

BÁO CÁO**sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị
và chính quyền địa phương 02 cấp**

Thực hiện Công văn số 08-CV/BCĐ, ngày 19/5/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp và Kế hoạch số 60-KH/TU, ngày 21/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh báo cáo kết quả sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Tây Ninh là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Tây Ninh và Long An (cũ). Tỉnh có 96 đơn vị hành chính cấp xã (82 xã, 14 phường), diện tích hơn 8.536,44 km², dân số hơn 3,2 triệu người. Đảng bộ tỉnh hiện có 100 đảng bộ trực thuộc, gồm: 96 đảng bộ xã, phường; 02 đảng bộ lực lượng vũ trang (*Công an tỉnh, Quân sự tỉnh*); Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh. Số lượng tổ chức cơ sở đảng là **1.635** (307 đảng bộ cơ sở, 1.328 chi bộ cơ sở); **53** đảng bộ bộ phận; **3.807** chi bộ trực thuộc (trong đó, 1.531 chi bộ ấp, khu phố; 415 chi bộ cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội; 1.093 chi bộ cơ quan Nhà nước; 172 chi bộ đơn vị sự nghiệp; 130 chi bộ quân đội; 180 chi bộ công an; 267 chi bộ doanh nghiệp và hợp tác xã; 19 chi bộ khác); số lượng đảng viên toàn đảng bộ là **97.127**.

Tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được kiện toàn, sắp xếp tinh gọn hơn, giảm đầu mối, cụ thể: Khối Đảng tỉnh có 05 cơ quan chuyên trách và 02 đơn vị sự nghiệp công lập; khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh có 01 cơ quan chuyên trách; khối chính quyền: 15 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau sắp xếp, tỉnh Tây Ninh đã thực hiện giảm được **12** cơ quan, tổ chức hành chính¹ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đạt tỷ lệ giảm **44%**, giảm **234** phòng chuyên môn và tương đương, đạt tỷ lệ giảm **100%**. Số lượng đơn vị hành chính

¹ Không bao gồm Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh sau sắp xếp là **96** (82 xã và 14 phường), giảm **184** đơn vị cấp xã, đạt tỷ lệ giảm **65,71%** và giảm **24** đơn vị hành chính cấp huyện.

Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý: Tính đến hiện nay, toàn tỉnh Tây Ninh hiện có **1.318** đơn vị. Cụ thể: Cấp tỉnh là **168** đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó: 11 đơn vị thuộc UBND tỉnh, 156 đơn vị thuộc sở, 01 đơn vị thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh); cấp xã là **1.157** đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó, có 892 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục² (Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp); 96 trạm Y tế cấp xã; 96 đơn vị sự nghiệp³ là Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã; 73 Ban Quản lý dự án cấp xã). Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp tăng **104** đơn vị; trong đó, cấp tỉnh giảm **13** đơn vị, cấp huyện chuyển về xã đồng thời thành lập thêm Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã và Ban quản lý dự án cấp xã nên tăng **117** đơn vị.

Sau sắp xếp, việc phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh và hợp lý hơn, gắn với đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách và đẩy mạnh cơ chế tự chủ tài chính cho cơ quan hành chính nhà nước. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng địa phương, cơ quan, đơn vị góp phần tinh gọn bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động, phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành theo hướng hiệu lực, hiệu quả hơn.

- Thuận lợi:

+ Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương đến địa phương và sự đồng thuận cao của người dân; góp phần quan trọng vào tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tiết kiệm ngân sách, giảm số lượng đơn vị hành chính trung gian, số đầu mối, biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước; tăng hiệu quả điều hành, quản lý, quy mô đơn vị hành chính sau sắp xếp, thuận lợi hơn trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và rút ngắn quy trình xử lý công việc, giảm chồng chéo; thúc đẩy cải cách hành chính, tạo điều kiện triển khai chính quyền điện tử, chuyển đổi số hiệu quả hơn... cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

+ Mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2026 có thuận lợi từ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định trong năm 2025 và những tháng đầu năm 2026, đà phục hồi tích cực, cùng quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị từ

² Tây Ninh (cũ): 378; Long An (cũ): 514.

³ Tây Ninh (cũ): 09 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh và 27 Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã; Long An (cũ): 60 Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã

Trung ương đến địa phương. Tỉnh khai thác hiệu quả lợi thế vị trí cửa ngõ kết nối 02 vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, tiếp giáp Thành phố Hồ Chí Minh, tạo sự bứt phá trong lĩnh vực công nghiệp; bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của du lịch và thương mại giúp thúc đẩy tăng trưởng. Tỉnh tiếp tục tập trung cải thiện môi trường đầu tư, chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp, tạo niềm tin cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Thực hiện đột phá mạnh mẽ về hạ tầng giao thông, nhiều dự án giao thông trọng điểm đang được triển khai đồng bộ, tạo không gian phát triển mới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh.

- Khó khăn:

+ Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian đầu còn phát sinh một số khó khăn do khối lượng công việc chuyển giao về cấp xã tăng nhanh, phạm vi quản lý rộng hơn trong khi đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở chưa được bổ sung tương xứng. Một số địa phương còn lúng túng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ mới được phân cấp, phân quyền; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có lúc chưa thật sự đồng bộ, nhịp nhàng.

+ Hệ thống quy trình, thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực chưa được cập nhật, điều chỉnh kịp thời theo mô hình tổ chức mới; việc liên thông dữ liệu giữa các ngành, các cấp còn hạn chế, dẫn đến phát sinh khó khăn trong giải quyết hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp. Một số phần mềm chuyên ngành chưa thống nhất, còn tình trạng xử lý song song hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc.

+ Công tác quản lý, sắp xếp và xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ở một số nơi khó khăn; điều kiện làm việc, trang thiết bị phục vụ hội họp trực tuyến, xử lý công việc trên môi trường số chưa đồng bộ giữa các địa phương. Một số địa bàn vùng xa, biên giới còn khó khăn về hạ tầng viễn thông, đường truyền internet, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành chính quyền số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận về việc hoàn thiện, vận hành mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, Nhân dân sau khi hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời thông tin, tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân

dân bằng nhiều hình thức phù hợp. Nội dung tuyên truyền tập trung làm rõ mục đích, yêu cầu, ý nghĩa, tính cấp thiết của việc đổi mới tổ chức bộ máy; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; quyền lợi, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người dân trong quá trình triển khai thực hiện.

Công tác quán triệt được tổ chức nghiêm túc thông qua hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở; sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền viên; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền trên các cơ quan báo chí, cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng số, mạng xã hội. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động nắm tình hình dư luận xã hội, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; kịp thời định hướng thông tin, xử lý các vấn đề phát sinh, không để hình thành điểm nóng, phức tạp về an ninh trật tự. Công tác chính trị, tư tưởng được quan tâm thực hiện thường xuyên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chịu tác động trực tiếp sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính.

Quá trình triển khai thực hiện, đa số cán bộ, đảng viên đồng thuận, chấp hành nghiêm chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ mới; tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân từng bước được nâng lên. Nhân dân đồng tình, ủng hộ với chủ trương thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đánh giá tích cực đối với việc tinh gọn tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả phục vụ.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp bằng nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án và văn bản chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

Tỉnh đã ban hành đồng bộ các văn bản liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị; quy chế làm việc, quy chế phối hợp; các kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp. Việc ban hành văn bản cơ bản bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, bám sát chỉ đạo của Trung ương và phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, ổn định.

Cùng với đó, tỉnh đã chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế, quy định liên quan đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; quy trình xử lý công

việc; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân theo nguyên tắc “6 rõ”, góp phần hạn chế chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ. Hiện nay, cấp tỉnh đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị, tổ chức đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của cơ quan, đơn vị mình. Đối với cấp xã, 100% xã, phường đã ban hành đầy đủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các phòng, ban, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đảng ủy, UBND cấp xã theo quy định.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tham mưu ban hành các văn bản mới, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh sau hợp nhất và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế trong tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Qua 01 năm triển khai, việc cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương đã tạo chuyển biến tích cực trong công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; giảm đầu mối trung gian; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; phát huy tính chủ động, trách nhiệm của cấp xã trong giải quyết công việc tại cơ sở. Phương thức lãnh đạo, quản trị, điều hành từng bước được đổi mới theo hướng công khai, minh bạch, lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm trung tâm. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế, chính sách về việc thực hiện chính quyền 02 cấp được ban hành kịp thời, giúp địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhất là trong công tác sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cơ chế hỗ trợ tài chính trong giai đoạn đầu khi thực hiện, nhằm sớm ổn định, tinh gọn tổ chức bộ máy, bảo đảm việc vận hành thường xuyên, liên tục, không để gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị.

Trong thời gian đầu khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã thành lập các Tổ công tác do lãnh đạo tỉnh làm Tổ trưởng và các thành viên là lãnh đạo cơ quan tham mưu giúp việc, các sở, ban, ngành tỉnh; các Tổ công tác thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tại cơ sở. Thông qua công

tác kiểm tra, giám sát, nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành mô hình mới đã được kịp thời phát hiện, chỉ đạo tháo gỡ, nhất là các vấn đề liên quan đến bố trí nhân sự, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư, giải quyết thủ tục hành chính, vận hành hệ thống phần mềm dùng chung và phân định thẩm quyền giữa các cấp.

Qua kiểm tra, giám sát cho thấy đa số các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nhiệm vụ được giao; bộ máy sau sắp xếp cơ bản vận hành ổn định, thông suốt; tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên.

III. KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

1. Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị của địa phương

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị tỉnh được kiện toàn nhanh chóng, giảm đầu mối, cụ thể:

- Đối với cấp tỉnh:

+ Khối Đảng tỉnh có 05 cơ quan chuyên trách (*gồm Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy*).

+ Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh có 01 cơ quan chuyên trách là Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Khối chính quyền: Có 15 cơ quan, tổ chức hành chính bao gồm: Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

- Đối với cấp xã:

+ Khối Đảng: Mỗi đảng ủy xã, phường có 03 cơ quan chuyên trách, giúp việc gồm Văn phòng, Ban Xây dựng Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra.

+ Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã: Mỗi xã, phường có 01 cơ quan chuyên trách là Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Cấp xã: Có 96 UBND xã, phường với cơ cấu cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính bao gồm: Văn phòng HĐND và UBND (96 phòng); Phòng Kinh tế đối với xã (82 phòng); Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với phường

(14 phòng); Phòng Văn hóa - Xã hội (96 phòng); Trung tâm Phục vụ hành chính công (96 trung tâm).

- *Kết quả sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối tổ chức bên trong thuộc phạm vi quản lý:*

+ Đơn vị sự nghiệp của Đảng: Có 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy (gồm Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh, Trường Chính trị tỉnh), 01 đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Thanh thiếu nhi tỉnh) thuộc Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ và 24 đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Chính trị xã, phường) thuộc đảng ủy xã, phường.

+ Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh: Có 11 đơn vị, gồm: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình nông nghiệp tỉnh; Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát; Ban Quản lý Khu di tích lịch sử Cách mạng miền Nam; Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen; Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh; Trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh; Trường Cao đẳng Long An; Trường Cao đẳng Y tế Long An; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh.

+ 157 đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh.

+ 1.157 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã, trong đó có 892 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục (Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp); 96 trạm Y tế cấp xã; 96 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã; 73 Ban quản lý dự án cấp xã.

Thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước theo Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18, ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 16-KH/TU, ngày 04/12/2025 của Tỉnh ủy về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của hệ thống chính trị, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 372/KH-UBND, ngày 26/01/2026 về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Kết quả: UBND tỉnh đã thực hiện kiện toàn lại chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời chấm dứt hoạt động của 24 Trạm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp khu vực chuyển giao nhiệm vụ về Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc UBND cấp xã; tổ chức sắp xếp lại 03 Ban Quản

lý dự án⁴ thành 03 Ban Quản lý dự án chuyên ngành thuộc UBND tỉnh⁵. Đồng thời, các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp triển khai thực hiện sắp xếp cơ cấu, tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị bảo đảm thời gian kế hoạch.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và 96/96 Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã, phường đi vào hoạt động ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm cho hoạt động giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục, không bị gián đoạn, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý hành chính nhà nước ở địa phương.

Tổng biên chế công chức được giao sau sắp xếp là 12.089 biên chế, cấp tỉnh là 2.810, cấp xã là 9.279; số lượng cán bộ, công chức có mặt so với tổng biên chế được giao đến thời điểm hiện tại là 8.967/12.089 biên chế, gồm: Cấp tỉnh là 1.847/2.810 biên chế; cấp xã là 7.120/9.279 biên chế (*khối Đảng là 1.769/2.291, khối Mặt trận Tổ quốc là 967/1.208, khối Nhà nước là 4.384/5.780*); trong đó, biên chế công chức cấp xã theo khung là 6.457 biên chế (*số có mặt cao hơn số khung là 9.3%*), trong đó khối Đảng, đoàn thể là 2.592 biên chế, khối Nhà nước là 3.865 biên chế.

Sau khi triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Tây Ninh đã tập trung rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; hoàn thành việc rà soát, xác định vị trí việc làm, khung năng lực và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; thực hiện bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực và yêu cầu nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cũng được thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm đúng người, đúng việc, không đùn đẩy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, lấy mục tiêu phục vụ Nhân dân là trên hết; khuyến khích cán bộ dám làm, dám chịu trách nhiệm vì mục tiêu chung.

Đối với việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách: Sau sắp xếp, đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có nhu cầu tiếp tục công tác, tỉnh đã thực hiện bố trí để hỗ trợ các cơ quan chuyên môn khối Đảng, đoàn thể phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn. Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau sáp nhập còn lại 2.574 người, trong đó: Đã giải quyết chế độ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ từ sau sáp nhập tới tháng 05/2026 là 1.035 người; thực hiện tiếp nhận vào làm

⁴ Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh Tây Ninh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Long An

⁵ Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình nông nghiệp tỉnh Tây Ninh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

công chức là 221 người (*khối Đảng 95 người, khối Nhà nước 126 người*); đang thẩm định giải quyết chế độ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ là 1.128 người; đã nộp hồ sơ đăng ký tiếp nhận vào làm công chức là 52 người (*khối Đảng 17 người, khối Nhà nước 35 người*); còn lại 138 có nguyện vọng tiếp tục ở lại để bố trí công tác tại ấp khu phố, thực hiện thủ tục hợp đồng theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP của Chính phủ, tuyển dụng viên chức vào các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định

2. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền; giải quyết thủ tục hành chính

- *Việc xác định rõ nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã; nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, ủy quyền:*

+ Về phân cấp, phân quyền: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh đã chỉ đạo các ban, sở, ngành tỉnh và xã, phường nghiên cứu, rà soát và khẩn trương xác định nhóm nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh (*bao gồm thẩm quyền UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, sở, ngành tỉnh*); nhóm nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền đã được Chính phủ ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành. Sau hợp nhập, tỉnh ủy đã ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử⁶ và UBND tỉnh đã ban hành 16 quyết định phân cấp, phân quyền về: Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; một số nhiệm vụ trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu; tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng; tài sản công tại các cơ quan, đơn vị; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phân cấp trách nhiệm tiếp nhận bản tự công bố thực phẩm; phân cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công trên địa bàn tỉnh; quản lý kiến trúc và quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng; phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

+ Về ủy quyền: UBND tỉnh đã ban hành 11 quyết định ủy quyền cho giám đốc các sở, ngành tỉnh như: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn được UBND tỉnh giao.

Đồng thời, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo và chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 32/2025/QĐ-CTUBND,

⁶ Quy định số 185-QĐ/TU, ngày 05/12/2025 của Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

ngày 07/10/2025 Quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 33/2025/QĐ-CTUBND, ngày 07/10/2025 Quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trong cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

Việc phân định thẩm quyền giữa các cấp từng bước được thực hiện rõ hơn; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được tăng cường. Cấp xã được giao nhiều nhiệm vụ gần trực tiếp với quản lý địa bàn, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý dân cư, đất đai, trật tự xây dựng, an sinh xã hội và triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở. Công tác phối hợp liên thông giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với chính quyền cấp xã từng bước được cải thiện thông qua hệ thống phần mềm quản lý, họp trực tuyến và quy chế phối hợp liên ngành. Đồng thời quan tâm bảo đảm các điều kiện thực hiện phân cấp, phân quyền thông qua việc bố trí kinh phí hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Nhiều địa phương đã chủ động nâng cao năng lực điều hành, giải quyết công việc ngay từ cơ sở, góp phần giảm áp lực cho cấp tỉnh và hạn chế tình trạng chuyển hồ sơ nhiều cấp.

Qua triển khai thực hiện, việc phân cấp, phân quyền đã tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, điều hành; nâng cao tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở; nhiều thủ tục hành chính được giải quyết nhanh hơn, giảm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp; hiệu quả phối hợp giữa các cấp từng bước được nâng lên.

- Việc hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc đối với các nhiệm vụ, đề xuất điều chỉnh thẩm quyền:

Thời gian qua, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế phục vụ tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp đã được quan tâm triển khai và đạt được một số kết quả bước đầu. Các ban, sở, ngành thể hiện sự chủ động trong đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh cụ thể hóa các nhiệm vụ, các văn bản Trung ương quy định; các khó khăn, vướng mắc của các địa phương được các Tổ công tác của tỉnh ghi nhận để chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu hướng dẫn hoặc kiến nghị Trung ương xem xét, hướng dẫn. Đồng thời, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 07/8/2025 về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 07/8/2025 về việc bãi bỏ các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, các ban, sở, ngành chủ động rà soát tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành quyết định bãi bỏ, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Các quy định pháp luật liên quan từng bước được rà soát, sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02

cấp, góp phần làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh và cấp xã, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.

- Việc giải quyết, xử lý các đề xuất kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Việc tiếp nhận, giải quyết và xử lý các đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Các nội dung phản ánh, kiến nghị được tổng hợp kịp thời, phân loại rõ theo lĩnh vực để giao cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quá trình giải quyết luôn gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì, có thời hạn xử lý cụ thể, đồng thời tăng cường trao đổi, hướng dẫn để thống nhất cách thực hiện giữa các cấp. Những vấn đề vượt thẩm quyền địa phương được tổng hợp, báo cáo xin ý kiến Trung ương. Qua đó, nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn đã được tháo gỡ kịp thời, góp phần bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương diễn ra ổn định, thông suốt.

Cải cách thể chế và thủ tục hành chính có chuyển biến rõ nét, bảo đảm tính thống nhất, công khai, minh bạch, kịp thời rà soát, ban hành quy định phù hợp sau sắp xếp. Thủ tục hành chính được công bố, cập nhật đầy đủ; tiếp tục được rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình gắn với chuyển đổi số. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông vận hành hiệu quả; việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ duy trì ổn định, tỷ lệ đúng hạn trên 99%, không để xảy ra gián đoạn trong phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, kết nối, khai thác dữ liệu, góp phần rút ngắn thời gian, giảm chi phí, nâng cao chất lượng phục vụ.

Việc chuẩn hóa quy trình công tác, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tăng tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện trên môi trường số: Từ 01/7/2025, công tác rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính được triển khai đồng bộ, gắn với tái cấu trúc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian và giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Tỉnh đã ban hành nhiều phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng giảm giấy tờ, giảm thông tin phải kê khai lặp lại.

+ *Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch:* Chi phí tuân thủ đã được cắt giảm đáng kể, như: Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích giảm 10.560.000 đồng/năm (37,9%); Cấp lại chứng chỉ hành nghề giảm 6.720.000 đồng/năm (30,4%); Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch giảm 15.065.960 đồng (15,75%) và rút ngắn thời gian từ 30 xuống 25 ngày...

+ *Lĩnh vực y tế:* Thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi chuyển đổi sang quy trình điện tử đã tiết kiệm hơn 82 triệu

đồng/năm, tương ứng giảm 19,918% chi phí tuân thủ.

+ *Lĩnh vực xây dựng*: Nhiều thủ tục đạt tỷ lệ cắt giảm chi phí rất cao, như: chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ giảm 14.303.000 đồng, tương ứng 96,77%; cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác giảm 11.183.000 đồng, tương ứng 95,91%; chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác giảm 6.413.000 đồng, tương ứng 93,08%; phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác giảm 4.823.000 đồng, tương ứng 91%.

Việc tái cấu trúc quy trình dịch vụ công trực tuyến tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng chuyển từ phương thức kê khai hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử; qua đó từng bước nâng cao tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện trên môi trường số. Từ 01/7/2025, tỉnh đã phê duyệt tái cấu trúc quy trình đối với nhiều thủ tục thuộc các lĩnh vực nội vụ, tài chính, y tế, xây dựng, giáo dục và đào tạo, khu kinh tế. Việc chuyển đổi phương thức thực hiện đã góp phần cắt giảm các khâu trung gian, giảm yêu cầu nộp bản giấy, tăng khả năng kiểm tra, đối chiếu và luân chuyển hồ sơ trên hệ thống điện tử, đồng thời tạo điều kiện cho việc theo dõi tiến độ, giám sát trách nhiệm xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị.

+ UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các các đơn vị chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp trên VneID. Giao các sở, ngành tỉnh là đầu mối chủ động phối hợp với các Bộ quản lý cơ sở dữ liệu để xử lý kịp thời các trường thông tin không đầy đủ, sai lệch, chưa cập nhật trong cơ sở dữ liệu. Các sở, ngành tỉnh đang thực hiện rà soát, công bố danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu điện tử và thực hiện công khai danh mục này trên Trang tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Về thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến nay:

+ *Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh*: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 1.211.315 hồ sơ; trong đó, trực tuyến: 1.200.865 hồ sơ, trực tiếp: 10.450 hồ sơ. Đã giải quyết: 1.168.803 hồ sơ, trước hạn: 497.506 hồ sơ, đúng hạn: 671.053 hồ sơ, quá hạn: 238 hồ sơ (0.02%).

+ *Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành*: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 30.478 hồ sơ, trong đó, trực tuyến: 29.681 hồ sơ, trực tiếp: 797 hồ sơ. Đã giải quyết: 24.422 hồ sơ, trước hạn: 23.155 hồ sơ, đúng hạn: 733 hồ sơ, quá hạn: 534 hồ sơ (2.18%).

Phần lớn hồ sơ phát sinh nhiều trên lĩnh vực đất đai, hầu hết hồ sơ trễ hạn

trên lĩnh vực đất đai. Nguyên nhân là do hồ sơ đất đai mang tính chất phức tạp, công tác phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường và Thuế tỉnh đôi lúc chưa kịp thời, hệ thống thường phát sinh lỗi kỹ thuật.

Việc số hóa, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu: Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt tỷ lệ 99,11%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tỷ lệ 99,11%; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ lệ 99,04%.

Việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới: Tỉnh đã công bố 1.998 thủ tục thực hiện không phụ thuộc và địa giới hành chính trên tổng số 1.998 thủ tục hành chính đạt tỷ lệ 100%. Đồng thời triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính tập trung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành theo lộ trình và lĩnh vực do bộ, ngành Trung ương quy định. 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận phi địa giới khi người dân có nhu cầu thực hiện.

3. Việc phân bổ ngân sách, nguồn lực (kinh phí, con người) bảo đảm cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền

Căn cứ các quy định liên quan, tỉnh kịp thời triển khai tốt các nội dung liên quan lĩnh vực tài chính, ngân sách. Cụ thể:

- Triển khai Công điện số 95/CD-TTg, ngày 20/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo cơ sở, vật chất cho các cơ quan, tổ chức đơn vị của Nhà nước khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã triển khai thực hiện các nội dung về tài chính, dự toán kinh phí, bố trí ngân sách để hỗ trợ kịp thời cho các đơn vị được hợp nhất trong thời gian đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo đúng quy định. Theo đó, nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 25/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã được rà soát, tổng hợp và sử dụng đúng mục đích, phục vụ kịp thời cho các nhiệm vụ theo lộ trình sắp xếp (*hỗ trợ cho tỉnh Tây Ninh trước sắp xếp là 129 tỷ đồng, tỉnh Long An trước sắp xếp là tỉnh tự cân đối nên không được hỗ trợ*).

- Đề tạo điều kiện thuận lợi cho các xã, phường trong việc cân đối nguồn kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc, mua sắm tài sản, trang thiết bị,... phục vụ nhu cầu công tác, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh; tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường với tổng số tiền 331 tỷ đồng (*cao hơn so với số ngân sách Trung ương hỗ trợ, được bố trí thêm từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh*).

để thực hiện các nội dung liên quan⁷.

- Ngoài ra, để đảm bảo kinh phí của các xã, phường hoạt động trong năm 2025, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh các Nghị quyết và ban hành văn bản triển khai liên quan đến dự toán kinh phí của các xã trong 6 tháng cuối năm 2025⁸. Theo đó, Tỉnh đã thực hiện định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp ở các xã, phường theo định mức biên chế, cụ thể: Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp năm 2025 ở các xã biên giới áp dụng với mức 30 triệu đồng/biên chế/năm; các xã, phường còn lại áp dụng mức 28 triệu đồng/biên chế/năm. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, trạm y tế giữ ổn định theo dự toán đã được phân bổ trước khi sắp xếp. Đây là cơ sở để các xã, phường, các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Tây Ninh sau sắp xếp dự toán kinh phí được giao để đảm bảo hoạt động trong năm 2025.

*** Đối với dự toán năm 2026:**

- Thực hiện Công điện số 06/CĐ-BTC ngày 25/8/2025 của Bộ Tài chính về việc tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 6321/UBND-KTTC ngày 13/10/2025 về triển khai thực hiện Công điện số 06/CĐ-BTC ngày 25/8/2025 của Bộ Tài chính. Theo đó, chỉ đạo các sở, ban ngành tỉnh, UBND các xã, phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp “*chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời các quy định của pháp luật mới được ban hành liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp; triển khai thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật và các hướng dẫn của Bộ Tài chính; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết nhằm đảm bảo việc thực hiện được thông suốt, không để xảy ra gián đoạn trong thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*”; đồng thời phân công nhiệm

⁷ a) Mua sắm trang thiết bị để phục vụ công tác tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã và trang thiết bị phục vụ công tác của cán bộ, công chức, viên chức cấp xã;

b) Cải tạo, sửa chữa các trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng, Chính quyền, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cấp xã;

c) Chi phí di dời trang thiết bị, cơ sở vật chất từ cơ sở cũ về trụ sở mới;

d) Chi tổ chức tuyên truyền cho người dân trên địa bàn;

đ) Chính lý hồ sơ, tài liệu sau sắp xếp;

e) Chi thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, cần thiết khác để triển khai thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

⁸ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Tây Ninh sau sắp xếp; Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 HĐND tỉnh Tây Ninh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025; Công văn số 4217/UBND-KTTC ngày 09/9/2025 về việc triển khai định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp ở các xã, phường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

vụ cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị.

- Để các hoạt động quản lý tài chính, ngân sách đi vào nề nếp, ổn định, cũng như tạo nguồn lực và phân cấp cho các xã, phường chủ động ngay từ đầu năm 2026, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh các Nghị quyết liên quan đến tài chính, ngân sách như: Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2026; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2026 và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các xã, phường.

- Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo rà soát nhu cầu kinh phí và khả năng cân đối ngân sách để triển khai số hóa tài liệu, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng ngân sách địa phương, như: Ngày 29/12/2025, UBND tỉnh có Quyết định số 11405/QĐ-UBND về ban hành kế hoạch chỉnh lý, số hóa tài liệu cấp huyện (*đã kết thúc hoạt động*) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tổng kinh phí dự kiến cho nội dung chỉnh lý tài liệu là 128 tỷ (*dự kiến sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên năm 2025 - 2026*), cho nội dung số hóa là 237 tỷ đồng (*từ nguồn vốn đầu tư công năm 2026*).

4. Về tình hình, kết quả xử lý tài chính, tài sản công, trụ sở cơ quan và nhà công vụ

4.1. Công tác tham mưu và ban hành các văn bản quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của địa phương

Để công tác quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo hiệu quả và đúng quy định khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công do thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính⁹. Bên cạnh

⁹ Công văn số 1429/UBND-KT ngày 30/7/2025 về việc phương án bố trí, sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung; Công văn số 2727/UBND-KT ngày 18/8/2025 về việc rà soát, xử lý tài sản công sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; Kế hoạch số 1108/KH-UBND ngày 09/9/2025 Thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Công văn 5264/UBND-KT ngày 26/9/2025 giao nhiệm vụ lập phương án kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà, đất theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn 5102/UBND-KT ngày 24/9/2025 triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công; Công văn 5401/UBND-KT ngày 29/9/2025 về việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Công văn 7683/UBND-KT ngày 03/11/2025 V/v thực hiện một số nhiệm vụ tài chính-NSNN năm 2025; Kế hoạch số 2177/KH-UBND ngày 18/11/2025 về kế hoạch tổng kiểm kê tài sản công tại cơ

đó, triển khai các Nghị định, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định, văn bản quy định¹⁰.

4.2. Kết quả rà soát, bố trí, sắp xếp, quản lý, sử dụng và xử lý trụ sở, nhà, đất, tài sản công

a) Đối với cơ sở nhà, đất của địa phương

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 11870/QĐ-UBND, ngày 31/12/2025 phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; theo đó: Tổng số cơ sở nhà, đất thực hiện sắp xếp đã phê duyệt tại Quyết định 11870 là 3.042 cơ sở, với tổng diện tích đất 21.305.411,1 m²; diện tích xây dựng nhà 4.595.970,38 m².

Về phương án xử lý:

- Điều chuyển 310 cơ sở, gồm 21 cơ sở cấp tỉnh và 289 cơ sở cấp xã, với tổng diện tích 740.943,69 m²; đã thực hiện điều chuyển 34/310 cơ sở, diện tích: 85.527 m².

- Chuyển giao 325 cơ sở nhà, đất dôi dư (gồm 51 cơ sở cấp tỉnh và 274 cơ sở cấp xã) cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà thuộc UBND cấp xã quản lý, khai thác theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP, với tổng diện tích 5.437.459,55 m²; đã thực hiện chuyển giao 06/325 cơ sở với diện tích: 17.924 m².

- Giữ lại tiếp tục sử dụng 2.407 cơ sở, gồm 312 cơ sở cấp tỉnh và 2.095 cơ sở cấp xã với diện tích: 15.127.007 m².

quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026; Công văn 8875/UBND-KT ngày 21/11/2025 V/v triển khai thực hiện Công điện số 213/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, bố trí, xử lý các cơ sở nhà, đất sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp; Công văn số 10234/UBND-KTTC ngày 12/12/2025 về việc đẩy mạnh sắp xếp, bố trí, xử lý, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Công văn 1602/UBND-KT ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2026; Công văn 1755/UBND-KT ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

¹⁰ UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các xã, phường; Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; Quyết định số 9367/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các sở, ban, ngành tỉnh; Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng; Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 về quy định thẩm quyền quyết định và phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở cho các đối tượng ưu tiên; ... Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Qua rà soát bổ sung theo báo cáo của các sở, ngành và UBND các xã, phường, hiện còn 191 cơ sở nhà, đất cần tiếp tục sắp xếp, xử lý. Trong đó, cấp tỉnh có 51 cơ sở và cấp xã có 140 cơ sở.

Thực hiện Kết luận số 381-KL/TU, ngày 24/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Tài chính đã phối hợp các ngành, UBND phường Tân Ninh rà soát là 75 cơ sở nhà đất là cơ sở 2 của các cơ quan, đơn vị tại Phường Tân Ninh. Qua rà soát đã đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy phương án xử lý như sau: 35 cơ sở tiếp tục giữ lại sử dụng, còn 40 cơ sở nhà, đất thực hiện sắp xếp, xử lý theo 04 hình thức (*trong 40 cơ sở sắp xếp lại có 20 cơ sở không còn sử dụng, 20 cơ sở còn đang sử dụng cần bố trí nơi làm việc mới*):

(1) Chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý để kêu gọi đầu tư thương mại, dịch vụ;

(2) Chuyển giao UBND phường Tân Ninh quản lý để thực hiện giao đất, cho thuê đất theo Luật Đất đai;

(3) Chuyển giao UBND phường Tân Ninh để giao tổ chức quản lý, kinh doanh nhà khai thác theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP;

(4) Điều chuyển về phường Tân Ninh để chỉnh trang đô thị hoặc mở rộng cơ sở giáo dục, y tế.

Phương án sắp xếp này đem lại hiệu quả trong quản lý sử dụng các cơ sở nhà, đất, đối với các khu vực thu hút thương mại dịch vụ sẽ góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và tăng nguồn thu ngân sách.

b) Đối với cơ sở nhà đất tiếp nhận từ Trung ương

Tỉnh đã tiếp nhận 81 cơ sở nhà, đất (diện tích: 158.419 m²) của cơ quan Trung ương chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, trong đó: đã ban hành Quyết định xử lý 57/81 cơ sở (77.241 m²); còn lại 24/81 (81.178 m²) cơ sở đã tạm bàn giao cho UBND các xã, phường tạm quản lý để đảm bảo tránh thất thoát, đang thực hiện các thủ tục xử lý tài sản. Cụ thể:

- Trụ sở Thuế tỉnh Tây Ninh: 23 cơ sở (với diện tích 29.079 m²) (Quyết định số 4064/QĐ-BTC ngày 05/12/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số 2811/QĐ-BTC ngày 14/8/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số 4382/QĐ-BTC ngày 30/12/2025, Quyết định số 368/QĐ-BTC ngày 26/02/2026 của Bộ Tài chính).

- Trụ sở Hải quan: 6 cơ sở (với diện tích 20.198 m²) (Quyết định số 4363/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số 4254/QĐ-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số 4077/QĐ-BTC ngày 08/12/2025 của Bộ Tài chính).

- Trụ sở Kho bạc nhà nước: 15 cơ sở (với diện tích 23.367 m²) (Quyết định số 3803/QĐ-BTC ngày 12/11/2025 của Bộ Tài chính, Quyết định số 4184/QĐ-BTC ngày 17/12/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số 4363/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính).

- Trụ sở Thi hành án dân sự: 09 cơ sở (với diện tích 8.617 m²) (Quyết định số 3562/QĐ-BTP ngày 17/12/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số 3190/QĐ-BTP ngày 07/11/2025 của Bộ Tư pháp).

- Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân: 09 cơ sở (với diện tích 16.446 m²) (Quyết định số 203/QĐ-VKSTC ngày 19/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

- Trụ sở Bảo hiểm xã hội: 15 cơ sở (với diện tích 14.068 m²) (Quyết định số 4465/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính).

- Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm KTTV): 02 cơ sở (với diện tích 2.120 m²) (Quyết định số 5993/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Trụ sở Ngân hàng nhà nước Khu vực XIII: 01 cơ sở (với diện tích 1.696 m²) (Quyết định số 192/QĐ-NHNN ngày 06/02/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

- Trụ sở Trường Trung cấp nông dân trực thuộc Trung ương Hội Nông dân Việt Nam: 01 cơ sở (với diện tích 42.828 m²) (Quyết định số 1281/QĐ-MTTW-BTT ngày 23/4/2026 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Ngoài ra, còn có 65 cơ sở nhà, đất (187.108 m²) dự kiến trung ương chuyển giao (Trung ương chưa ban hành quyết định chuyển giao). Cụ thể: 37 cơ sở nhà, đất từ Bộ Công an; 19 cơ sở từ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; 09 cơ sở từ Tòa án nhân dân tối cao.

c) Đối với xe ô tô

Qua rà soát, hiện trạng và nhu cầu bố trí xe ô tô phục vụ cho cấp tỉnh và cấp xã theo quy định như sau:

- *Đối với cấp xã*: Theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 153/2025/NĐ-CP thì số xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức cấp xã: tối đa 192 chiếc (96 xã, phường x 2 chiếc/xã, phường); số xe hiện có: 113 chiếc (do cấp huyện phân bổ về khi kết thúc hoạt động, trong đó xe đủ điều kiện thanh lý là 35 chiếc). Như vậy, thiếu 79 chiếc so với tiêu chuẩn định mức, nhu cầu thay thế xe đủ điều kiện thanh lý là 35 chiếc. Do đó, tổng nhu cầu mua sắm đảm bảo đủ tiêu chuẩn định mức và thay thế các xe đủ điều kiện

thanh lý là: 114 chiếc. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành chủ trương¹¹ trang bị đủ 114 xe ô tô phục vụ công tác chung các xã, phường với tổng kinh phí 111.803.225.360 đồng¹², đảm bảo 96/96 xã, phường được trang bị 02 xe ô tô/xã để phục vụ công tác chung.

- *Đối với cấp tỉnh*: tổng số xe ô tô theo định mức: 307 chiếc (trong đó đã phân bổ tiêu chuẩn, định mức cho các sở ngành là 300 chiếc, còn 07 chiếc chưa phân bổ); tổng số xe hiện có: 154 chiếc (trong đó có 41 chiếc đủ điều kiện thanh lý), thiếu so với định mức 146 chiếc, thay thế xe đủ điều kiện thanh lý: 41 chiếc, tổng mua sắm 187 chiếc. Do hiện nay chưa thể bố trí kinh phí nên UBND tỉnh giao Sở Tài chính rà soát tiếp tục tham mưu UBND tỉnh cho chủ trương trang bị đủ xe phục vụ công tác đối với cấp tỉnh trong thời gian tới khi đủ điều kiện.

d) Đối với máy móc, trang thiết bị: Đến nay, tỉnh đã trang bị cho 15/15 sở, ngành và 96/96 xã, phường để đáp ứng yêu cầu công tác. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc cân đối nguồn kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc, mua sắm tài sản, trang thiết bị,... phục vụ nhu cầu công tác; đồng thời, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh, tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường với tổng số tiền **331 tỷ đồng** (cao hơn so với số ngân sách Trung ương hỗ trợ, bố trí thêm từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh) để thực hiện các nội dung sau: Mua sắm trang thiết bị để phục vụ công tác; cải tạo, sửa chữa các trụ sở làm việc; chi tổ chức tuyên truyền cho người dân trên địa bàn; chỉnh lý hồ sơ, tài liệu sau sắp xếp; chi thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, cần thiết khác.

4.3. Việc điều chuyển, chuyển đổi công năng các cơ sở nhà, đất để phục vụ hoạt động hành chính, sự nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và mục đích công cộng khác

a) Cơ sở nhà, đất chuyển đổi công năng nhưng không thay đổi cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng: Qua theo dõi, rà soát, đến nay các cơ quan, đơn vị thuộc UBND các xã, phường đã căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế và chủ động sắp xếp lại không gian làm việc, bố trí lại chức năng sử dụng của từng hạng mục công trình theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Một số cơ

¹¹ tại Công văn số 1429/UBND-KTTC ngày 26/7/2025 và Công văn số 8793/UBND-KT ngày 20/11/2025 của UBND tỉnh

¹² Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 (16.393.334.560 đồng) Quyết định số 3992/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 (11.253.192.800 đồng); Quyết định số 9792/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 (32.000.000.000 đồng); Quyết định số 11349/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 (1.100.000.000 đồng); Quyết định số 11900/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (32.000.000.000 đồng); Quyết định số 11989/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (8.000.000.000 đồng); Quyết định số 11527/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 (1.056.698.000 đồng), Quyết định số 12068/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (10.000.000.000 đồng).

sở được thay đổi bố trí chức năng từ phòng làm việc sang phòng sinh hoạt chuyên môn, tiếp dân, lưu trữ hồ sơ hoặc phục vụ các hoạt động chung của cơ quan, đơn vị. Việc thay đổi bố trí trên được thực hiện trên cơ sở đảm bảo không làm thay đổi mục đích sử dụng chính của tài sản, không phát sinh thủ tục pháp lý phức tạp và phù hợp với quy định hiện hành.

b) Cơ sở nhà, đất chuyển đổi công năng đồng thời với việc xử lý tài sản theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý...): Các trụ sở là UBND các xã, phường cũ tồn dư hiện nay đang được rà soát bố trí trụ sở làm việc của Công an hoặc Ban Chỉ huy Quân sự của xã, phường và nơi làm việc của các Hội quần chúng, Trạm Y tế, Trường Mẫu giáo. Một số cơ sở giáo dục, trụ sở cơ quan được chuyển đổi công năng thành Nhà Văn hóa ấp.

4.4. Số lượng trụ sở tồn dư; phương án xử lý; những khó khăn, vướng mắc trong xử lý tài sản công

Qua rà soát, số lượng trụ sở tồn dư đến ngày 31/12/2025 là **325 cơ sở nhà đất**; phương án xử lý là chuyển giao các cơ sở nhà đất này cho các đơn vị sự nghiệp công cấp xã (được giao chức năng quản lý, kinh doanh nhà) để khai thác, cho thuê theo Nghị định 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 (UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án tại Quyết định số 11780/QĐ-UBND ngày 31/12/2025). Để sớm đưa các tài sản vào quản lý, khai thác hiệu quả, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện¹³.

4.5. Việc rà soát các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý để phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội và các văn bản có liên quan của Thủ tướng Chính phủ

a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 (trước họp nhất tỉnh)

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 2454/BTC-QLCS ngày 28/02/2025 về việc hướng dẫn xử lý tài sản khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và Công văn số 4891/BTC-QLCS ngày 15/4/2025 về việc hướng dẫn bổ sung việc sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính; UBND tỉnh xây dựng Đề án, Phương án về sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính.

¹³ Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 Quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuê; Công văn số 10234/UBND-KTTC ngày 12/12/2025 về việc đẩy mạnh sắp xếp, bố trí, xử lý, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Công văn 1602/UBND-KT ngày 29/01/2026 triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2026; Công văn 1755/UBND-KT ngày 02/02/2026 sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

Theo đó, tổng số cơ sở nhà, đất theo Đề án, Phương án tính đến ngày 30/6/2025 (bao gồm cả phê duyệt mới và phê duyệt thay đổi phương án) là 2.968 cơ sở (Long An: 637, Tây Ninh cũ: 2.331). Tổng số cơ sở nhà, đất còn phải tiếp tục sắp xếp lại, xử lý tính đến ngày 30/6/2025 là 367 cơ sở.

Sau khi sắp xếp, có 2.601 cơ sở nhà, đất được giữ lại tiếp tục sử dụng (Long An: 579, Tây Ninh cũ: 2.022); có 367 cơ sở nhà, đất (Long An: 58, Tây Ninh cũ: 309) địa phương tiếp tục rà soát để có phương án bố trí, sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương hoặc điều chuyển cho các cơ quan trung ương đóng tại địa phương có nhu cầu sử dụng trụ sở làm việc sau sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

b) Giai đoạn sau ngày 01/7/2025 (sau hợp nhất tỉnh)

Sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, thực hiện Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1108/KH-UBND ngày 09/9/2025 về thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Công văn 5264/UBND-KT ngày 26/9/2025 giao nhiệm vụ lập phương án; kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà, đất. Tuy nhiên, ngày 03/11/2025 Chính phủ ban hành Nghị định 286/2025/NĐ-CP; trong đó tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định 286/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 3 Điều 3 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP. Ngày 11/11/2025, Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 213/CTĐ-TTg về việc đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, bố trí, xử lý các cơ sở nhà, đất sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp và có phương án tổng thể, sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất trên toàn tỉnh sau khi sắp xếp tổ chức, đơn vị hành chính các cấp.

Trên cơ sở báo cáo tổng hợp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường; Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11870/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính. Tổng số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh thuộc đối tượng sắp xếp nhà, đất theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ cụ thể như sau:

- Tổng số cơ sở nhà, đất: 3.042 cơ sở.
- Tổng diện tích đất: 21.305.411,1 m².
- Diện tích xây dựng nhà: 4.595.970,38 m²
- Diện tích sàn xây dựng nhà: 5.264.380,38 m²

Trong đó: Có 870 cơ sở với diện tích 5.807.346 m² chưa được cấp GCQ

hoặc chưa có thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên nhân, do thất lạc hồ sơ pháp lý, lịch sử tiếp nhận lâu đời, không xác định, chứng minh được nguồn gốc để thực hiện hồ sơ, hoặc nguyên nhân chủ quan do cơ quan quản lý, sử dụng chậm làm thủ tục.

Phương án sắp xếp, xử lý như sau:

- Điều chuyển: 310 cơ sở (cấp tỉnh: 21 cơ sở; cấp xã: 289 cơ sở), diện tích: 740.943,69 m². Đến nay đã điều chuyển 34/310 cơ sở (*trong đó 28 cơ sở điều chuyển nội bộ tỉnh, 06 cơ sở điều chuyển các cơ quan Trung ương*), các đơn vị đã thực hiện việc bàn giao xong (*có biên bản bàn giao*), có báo cáo việc ghi tăng/giảm tài sản trên sổ kế toán của các đơn vị điều chuyển.

- Chuyển giao cho tổ chức có chức năng quản lý kinh doanh nhà thuộc UBND cấp xã: có 325 cơ sở nhà đất dôi dư (*cơ sở nhà, đất thuộc cấp tỉnh chuyển giao: 51 cơ sở; cấp xã chuyển giao: 274 cơ sở*), diện tích đất: 5.437.459,55m². Đến nay đã thực hiện chuyển giao 02/325 cơ sở.

(Phụ lục: Chi tiết theo danh mục trụ sở xử lý theo Quyết định số 11870/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 đính kèm)

4.5. Việc sắp xếp, bố trí nhà ở công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với điều kiện thực tiễn tại mỗi cơ quan, đơn vị tại địa phương; việc cho thuê nhà ở công vụ tại các địa phương thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Hiện nay các cơ quan hành chính của tỉnh Tây Ninh được bố trí tại 2 cơ sở: Cơ sở 1 tại Phường Long An (*nơi đặt Trung tâm hành chính của tỉnh hiện tại thuộc tỉnh Long An trước đây*); cơ sở 2 tại phường Tân Ninh (*thuộc tỉnh Tây Ninh cũ*).

Tổng số cán bộ, công chức từ cơ sở 2: 1.172 người, gồm cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý từ Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên: 200 người và cán bộ, công chức từ trường phòng trở xuống: 972 người.

Tổng số cán bộ, công chức có nhu cầu nhà ở công vụ tại cơ sở 1 khoảng: 355 người (*thống kê nhu cầu từ các sở, ngành*). Đến nay, đã bố trí nơi ở cho 355 cán bộ công chức ở ổn định.

5. Số hóa tài liệu, lưu trữ

5.1. Tình hình số hóa hồ sơ, tài liệu; sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, hồ sơ điện tử

- Về chỉnh lý tài liệu: Tỉnh đã thực hiện ký hợp đồng với nhà thầu gói thầu “Chỉnh lý tài liệu lưu trữ cấp huyện (*đã kết thúc hoạt động*) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”; nhà thầu đã triển khai thực hiện từ ngày 14/4/2026.

- *Về số hóa tài liệu*: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 6646/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Số hóa tài liệu cấp huyện (đã kết thúc hoạt động)”; đang thực hiện các bước tiếp theo, làm cơ sở bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định.

- *Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành*: Duy trì triển khai sử dụng ổn định kết nối thông suốt từ tỉnh đến cấp xã, triển khai đồng bộ cho 100% sở ngành, UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước: Cấp tỉnh đạt 100%, cấp xã đạt 100%.

- *Chữ ký số chuyên dùng*: Tỉnh đã có 15.304 chứng thư số chuyên dùng công vụ do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp cho cá nhân, tổ chức thuộc cơ quan, đơn vị trong tỉnh (trong đó: 3.094 tổ chức, 11.476 cá nhân, 697 sim ký số, 37 ký số phần mềm dịch vụ). 100% cơ quan quản lý nhà nước được cấp chứng thư số cho cơ quan và lãnh đạo sử dụng thường xuyên phục vụ ký số VB điện tử và giao dịch.

5.2. Việc bố trí kinh phí số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, nhất là việc ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa khó khăn

Tỉnh đã tiến hành rà soát nhu cầu kinh phí và khả năng cân đối ngân sách để triển khai số hóa tài liệu, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng ngân sách địa phương¹⁴; ban hành Quyết định số 11405/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về ban hành kế hoạch chỉnh lý, số hóa tài liệu cấp huyện (đã kết thúc hoạt động) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; tổng kinh phí dự kiến cho nội dung chỉnh lý tài liệu là 128 tỷ đồng, cho nội dung số hóa là 237 tỷ đồng (từ nguồn vốn đầu tư công năm 2026).

Đồng thời đã triển khai thực hiện Quyết định số 11925/QĐ-UBND, ngày 31/12/2025 về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách 96 xã, phường từ nguồn vốn vượt thu ngân sách tỉnh để đầu tư phát triển, phục vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; theo đó, tỉnh đã bổ sung tổng kinh phí 2.876 tỷ đồng (trong đó mức phân bổ được xác định theo nhóm địa bàn, gồm: xã biên giới 32 tỷ đồng/xã, xã trung tâm 28 tỷ đồng/xã và các xã còn lại 30 tỷ đồng/xã). Nguồn kinh phí bổ sung được tỉnh chỉ đạo ưu tiên bố trí cho các lĩnh vực trọng tâm, thiết yếu, gồm: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW); giáo dục đào tạo và dạy nghề (thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW); y tế; giao thông; nông nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước và phòng chống thiên tai; trùng tu, tôn tạo, sửa chữa di tích lịch sử - văn hóa; sửa chữa, nâng cấp trụ sở cơ quan; đồng thời xem xét bố trí cho các dự án bức xúc, cấp bách khác cần triển khai ngay theo yêu cầu thực tiễn của địa phương.

¹⁴ Ban hành Quyết định số 11405/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về ban hành kế hoạch chỉnh lý, số hóa tài liệu cấp huyện (đã kết thúc hoạt động) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

6. Về hạ tầng công nghệ, thực hiện công tác chuyển đổi số

6.1. Kết quả xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

Ngay sau khi hợp nhất, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và điều kiện vận hành tại cấp xã. Thực hiện đầu tư 02 dự án trọng điểm nhằm hoàn thiện hạ tầng số dùng chung toàn tỉnh, gồm: (1) Dự án nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ hoạt động cơ quan hành chính nhà nước toàn tỉnh (giai đoạn 1); (2) Dự án đầu tư trang thiết bị tường lửa cho sở, ngành và UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh, kèm phần mềm quản trị tập trung nhằm tăng cường an toàn, an ninh mạng; hiện nay, 02 dự án đang được Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh triển khai các thủ tục để trình phê duyệt dự án theo quy định. Năm 2026, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo nâng cao tính chuẩn hóa và tính sẵn sàng vận hành hạ tầng số cấp cơ sở; ban hành Quyết định số 11925/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 bổ sung khoảng 30 tỷ đồng/xã, phường và định hướng ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; qua đó các địa phương đã chủ động rà soát, tiếp tục thực hiện thủ tục đầu tư, mua sắm hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, tập trung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Qua đó, hạ tầng số trong cơ quan nhà nước đạt nhiều kết quả tích cực; hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng đã kết nối đến 100% các sở, ngành và cấp xã; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến triển khai 02 chiều từ tỉnh đến xã và 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính. Hạ tầng trung tâm dữ liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành theo các hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an để vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh sau sáp nhập¹⁵. Thời gian tới, tỉnh tiếp tục quan tâm xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

6.2. Việc triển khai, kết nối, chia sẻ, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý giữa cấp tỉnh và cấp xã, giữa địa phương với các bộ, ngành

Các nền tảng số, cơ sở dữ liệu triển khai cho cấp xã theo mô hình tập trung, thống nhất từ tỉnh đến xã; dữ liệu tất cả các xã, phường được quản lý tập

¹⁵ gồm: hệ thống quản lý văn bản điều hành (<https://vbdh.tayninh.gov.vn>), hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (<https://motcua.tayninh.gov.vn>), hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống Hộp không giấy, Ứng dụng Tây Ninh Smart, hệ thống phản ánh kiến nghị 1022, hệ thống giám sát, điều hành kinh tế xã hội (IOC), Kho dữ liệu dùng chung và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (quản lý CBCCVC, CSDL khoa học công nghệ, nông nghiệp môi trường, nội vụ,...)

trung, thống nhất trên cùng một nền tảng số, cơ sở dữ liệu. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa tỉnh với bộ, ngành: Tỉnh tiếp tục duy trì triển khai kết nối với 13 cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin của Bộ, ngành có kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Tính đến hết tháng 4/2026, số giao dịch kết nối, chia sẻ dữ liệu phát sinh giữa tỉnh với các Bộ ngành là 31.637.979 giao dịch.

6.3. Việc làm sạch các cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; làm sạch, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đảng viên

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 9660/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 về Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở tỉnh Tây Ninh. Các sở, ngành đảm bảo xây dựng, cung cấp dữ liệu dùng chung, chia sẻ dữ liệu phục vụ nhu cầu khai thác của các cơ quan theo Danh mục đã ban hành. Về việc làm sạch, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đảng viên: Đã cập nhật 2.340/2383 dữ liệu đảng viên, hiện còn 43 hồ sơ Đảng viên chưa cập nhật. Hoàn thành 100% dữ liệu tổ chức Đảng.

6.4. Các lỗi hệ thống, điểm nghẽn kỹ thuật, khó khăn trong vận hành và giải pháp khắc phục: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các Bộ ngành triển khai chưa ổn định, chưa đầy đủ các thủ tục, vì vậy tỉnh phải sử dụng song song 02 hệ thống của bộ và của tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính, thống kê, theo dõi tình hình giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị.

7. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị sau khi vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp

7.1. Kết quả tổ chức tiếp công dân sau khi vận hành mô hình 02 cấp

Thực hiện quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013, Nghị định số 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã sau sáp nhập đã kịp thời củng cố kiện toàn tổ chức, đội ngũ trực tiếp làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bố trí điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ công tác này. Ngoài ra, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết việc thực hiện chi chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, toàn tỉnh đã tiếp 4.536 lượt (*trong đó tiếp thường xuyên 3.858 lượt; tiếp định kỳ của Thủ trưởng là 678 lượt*) với 5.051 người/4.418 vụ việc; trong đó có 36 đoàn đông người.

7.2. Kết quả tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Toàn tỉnh đã nhận 7.312 đơn đủ điều kiện xử lý, trong đó số đơn thuộc thẩm quyền 5.031 đơn¹⁶; số đơn không thuộc thẩm quyền 2.311 đơn¹⁷. Đã giải quyết xong 241/264 đơn khiếu nại và 153/176 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền; các đơn còn lại đang tiếp tục giải quyết theo quy định.

7.3. Những vụ việc nổi cộm, phức tạp kéo dài; tình hình phát sinh mới liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Qua rà soát, hiện nay trên địa bàn tỉnh không có vụ việc nổi cộm, phức tạp kéo dài.

Đối với các vụ việc khiếu nại tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài, các vụ việc đông người lên Trung ương, thực hiện Kế hoạch 96/KH-TTCTP ngày 28/3/2025, Kế hoạch 329/KH-TTCTP ngày 25/9/2025 của Thanh tra Chính phủ, qua rà soát hiện nay đã giải quyết xong 09/09 vụ việc¹⁸ theo chỉ đạo.

7.4. Khó khăn, vướng mắc về thẩm quyền, quy trình nhân lực, phối hợp xử lý

Một số cơ quan, đơn vị được giao tham mưu giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo còn chậm; việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị xử lý đơn thư sau khi đã chuyển còn có thời điểm chưa kịp thời. Đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại cấp xã đôi khi còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, đặc biệt là trong các vụ việc phức tạp liên quan đến đất đai.

Các đoàn khiếu nại đông người chủ yếu liên quan đến các vụ việc cũ, đặc biệt là khiếu kiện về đất đai và chính sách xã hội. Mặc dù các vụ việc đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và Trung ương giải quyết đúng pháp luật, hết thẩm quyền nhưng vẫn còn một số công dân tiếp tục khiếu nại, kiến nghị nhiều lần, tập trung tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh, gây khó khăn trong công tác tiếp công dân.

8. Về số nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền cho cấp xã

Tổng số nhiệm vụ cấp xã được giao thực hiện: **552** nhiệm vụ; trong đó, thống kê số nhiệm vụ theo: (i) Khối Đảng: 69 nhiệm vụ; (ii) Khối Hội đồng

¹⁶ Gồm 264 đơn khiếu nại, 176 đơn tố cáo và 4.591 đơn kiến nghị, phản ánh.

¹⁷ đã hướng dẫn, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết

¹⁸ Vụ ông Nguyễn Văn Cách và bà Nguyễn Thị Mỹ Nương; Vụ Ông Phan Văn Minh Lâm cùng tập thể nhân dân; Vụ ông Hoàng Văn Đồng; Vụ Ông Nguyễn Văn Sỏi; Vụ bà Lê Thị Ngọc Đa, Trương Minh Tâm và các công dân; Vụ bà Phan Thị Rôm; Vụ bà Đỗ Thị Hằng; vụ bà Nguyễn Thị Thanh Hoa; vụ bà Trần Thị Duyên.

nhân dân 26 nhiệm vụ; (iii) Khối Ủy ban nhân dân 443 nhiệm vụ; (iv) Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội: 14 nhiệm vụ.

- Tổng số nhiệm vụ, thủ tục cấp xã được ủy quyền: 06; trong đó: (i) Ủy quyền về thủ tục, giấy tờ: 06; (ii) Ủy quyền về dữ liệu: 00.

- Tổng số thủ tục hành chính 1.997; trong đó nêu rõ: (i) Số thủ tục hành chính mà người dân đến nhiều nơi để thực hiện: 00; (ii) Số thủ tục hành chính mà người dân phải đến một nơi để thực hiện: 63; (iii) Số thủ tục hành chính mà người dân ở nhà có thể thực hiện được: 1.934.

9. Về tình hình, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trên môi trường số

Thời gian qua, tỉnh Tây Ninh tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hạ tầng số, nền tảng số và các ứng dụng trực tuyến tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện, góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ thanh toán trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số.

Kết quả từ ngày 01/7/2025 đến ngày 25/5/2026, toàn tỉnh đã tiếp nhận 1.349.552 hồ sơ, đã giải quyết 1.349.546 hồ sơ, trước và đúng hạn là 1.348.768 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,94%. Tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC từng bước được nâng cao; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 99,10%, tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 99,11%. Chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện rõ nét, theo kết quả đánh giá trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tính đến ngày tỉnh Tây Ninh đạt 97,07 điểm, xếp hạng 02/34 tỉnh, thành phố về chất lượng phục vụ hành chính công; tỷ lệ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC đạt trên 99,21%.

Tỉnh đã phát triển và đưa vào sử dụng nhiều nền tảng, ứng dụng trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, từng bước hình thành hệ sinh thái hành chính số đồng bộ, hiện đại. Bên cạnh việc khai thác hiệu quả Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành, của tỉnh còn vận hành các nền tảng như ứng dụng Tây Ninh Smart, Hệ thống tiếp nhận phản ánh hiện trường 1022, các kênh Zalo Official Account.... Thông qua các nền tảng này, người dân có thể tra cứu thủ tục hành chính, nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ, phản ánh kiến nghị, nhận thông báo và tiếp cận các tiện ích số khác một cách thuận tiện, nhanh chóng.

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công khai, minh bạch quy trình giải quyết hồ sơ tiếp tục được tăng cường, tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh đã công bố 1.997 thủ tục hành chính; trong đó có 799 thủ tục trực tuyến toàn trình; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc địa giới

hành chính trên địa bàn tỉnh, cho phép người dân được lựa chọn nơi nộp và nhận kết quả phù hợp trên phạm vi toàn tỉnh.

Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 920/KH-UBND ngày 05/3/2026 về triển khai thí điểm dịch vụ hành chính công chủ động trên địa bàn tỉnh, theo đó, đã xác định đây là một nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, nhằm chuyển từ phương thức phục vụ bị động sang chủ động, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Dự kiến, hệ thống sẽ được đưa vào vận hành chính thức sau ngày 01/6/2026, tạo tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm thời gian, chi phí và tăng tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

10. Việc đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường xã hội hoá những công việc, dịch vụ mà khu vực tư nhân có thể thực hiện tốt, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục

Ngày 05/12/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 16-KH/TU về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của hệ thống chính trị tỉnh; theo đó, tỉnh tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp xu thế phát triển chung của tỉnh nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng lộ trình cụ thể cho các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tăng mức tự chủ theo tiến độ quy định. Trong đó, tỉnh đang đẩy mạnh sắp xếp theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó chú ý tới lĩnh vực giáo dục, y tế ở địa bàn khó khăn. Tập trung xây dựng lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công ở những nơi có điều kiện, nhất là ở đô thị; tăng cường giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách để phục vụ quản lý nhà nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau 01 năm triển khai vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Tây Ninh đã cơ bản đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra; bộ máy của hệ thống chính trị từng bước được sắp xếp tinh gọn, hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, bám sát chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tiễn địa phương; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu được phát huy rõ nét.

Phương thức lãnh đạo, quản trị, điều hành tiếp tục được đổi mới theo hướng khoa học, công khai, minh bạch, lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm trung tâm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xử lý công việc trên môi trường điện tử, tổ chức họp trực tuyến, sử dụng chữ ký số và văn bản điện tử được đẩy mạnh, góp phần nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian xử lý công việc và tăng cường kết nối giữa các cấp trong hệ thống chính trị.

Tổ chức bộ máy sau sắp xếp cơ bản giảm đầu mối trung gian; chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị từng bước được phân định rõ hơn; việc phân cấp, phân quyền được tăng cường, tạo điều kiện cho cấp xã chủ động giải quyết công việc ngay từ cơ sở. Chất lượng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyển biến tích cực; nhiều thủ tục hành chính được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu lại phù hợp với vị trí việc làm; tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số cho cán bộ cơ sở được quan tâm thực hiện. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị được duy trì thường xuyên; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp bước đầu góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận dịch vụ công; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại của địa phương.

Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã tạo chuyển biến tích cực trong phương thức quản trị và điều hành ở địa phương theo hướng gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn. Việc giảm cấp trung gian giúp rút ngắn quy trình xử lý công việc, tăng tính chủ động, linh hoạt của cấp cơ sở, qua đó nâng cao hiệu quả giải quyết công việc phát sinh ngay từ địa bàn dân cư.

Vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của chính quyền cấp xã được nâng lên rõ nét; nhiều nhiệm vụ trước đây phải xin ý kiến qua nhiều cấp nay được giải quyết trực tiếp tại cơ sở, góp phần giảm thời gian xử lý hồ sơ, giảm chi phí đi lại cho người dân và doanh nghiệp. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị từng bước chặt chẽ, đồng bộ hơn; trách nhiệm người đứng đầu được xác định rõ hơn trong từng nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách.

Mô hình mới cũng góp phần thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước; tăng cường ứng dụng công nghệ

thông tin, xử lý công việc trên môi trường điện tử, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành. Chất lượng cung cấp dịch vụ công từng bước được nâng lên; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, trước hạn ngày càng tăng; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp có chuyển biến tích cực.

Thông qua quá trình vận hành mô hình mới, tư duy quản trị của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước chuyển từ quản lý hành chính sang phục vụ và kiến tạo phát triển; ý thức trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng lên; tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi công vụ có chuyển biến tích cực hơn so với trước đây.

2. Hạn chế

Sau 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cơ quan, địa phương có lúc chưa thật sự quyết liệt; việc cụ thể hóa một số chủ trương, quy định của Trung ương còn chậm; cơ chế phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong xử lý công việc liên ngành chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả. Việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp ở một số nơi còn lúng túng, nhất là trong giai đoạn đầu triển khai.

- Công tác phân cấp, phân quyền ở một số lĩnh vực chưa thật sự đồng bộ với điều kiện thực tế; có nhiệm vụ đã giao cho cấp xã nhưng chưa đi đôi với bảo đảm đầy đủ nguồn lực, biên chế, cơ sở vật chất và hướng dẫn chuyên môn. Khối lượng công việc tại cấp xã tăng mạnh sau phân cấp, trong khi đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở còn thiếu và chưa đồng đều về năng lực.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; một bộ phận cán bộ còn hạn chế về kỹ năng quản trị, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xử lý công việc trên môi trường điện tử. Tình trạng kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực ở cấp xã còn phổ biến, dẫn đến áp lực công việc lớn, có lúc ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng tham mưu, giải quyết công việc; vẫn còn một số địa phương thiếu cán bộ, công chức có chuyên môn, kinh nghiệm về một số lĩnh vực quản lý, như xây dựng, quản lý đất đai, kinh tế.

- Việc kiện toàn tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo mô hình mới ở một số nơi còn mang tính cơ học; dù đã thành lập các ban dùng chung như văn phòng, kiểm tra, giám sát - phản biện,.. sau sáp nhập, nhưng phương thức vận hành vẫn còn rời rạc, thiếu sự thống nhất và chưa xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ chung. Cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với các tổ chức chính trị - xã hội còn lúng túng, hiệu quả phát huy vai

trò của các ban trực thuộc trong thực hiện nhiệm vụ chung của cơ quan Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thật sự rõ nét. Việc sắp xếp hội quân chúng thực hiện chậm nên chưa tập trung sự lãnh đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc ở 02 cấp trong thời gian sau sáp nhập đến nay, kể cả chế độ chính sách cũng chưa giải quyết kịp thời.

- Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách đã tạo điều kiện nâng cao tính chủ động cho chính quyền cấp xã. Tuy nhiên, định mức phân bổ ngân sách hiện nay chưa phản ánh đầy đủ, toàn diện sự khác biệt về quy mô kinh tế và đặc điểm từng địa phương, do vậy ảnh hưởng nhất định đến phát triển địa phương và thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền cơ sở.

- Việc quản lý, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp ở một số nơi còn chậm; một số trụ sở xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu làm việc theo mô hình mới. Công tác số hóa tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử ở một số địa phương tiến độ còn chậm, thiếu nhân lực và kinh phí thực hiện. Hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu; vẫn còn tình trạng hồ sơ trễ hạn, nhất là các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư.

*** Nguyên nhân:**

Nguyên nhân khách quan:

- Một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách của Trung ương chưa được sửa đổi, bổ sung đồng bộ, kịp thời phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Khối lượng công việc phát sinh lớn trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện phân cấp, phân quyền, nhiều nhiệm vụ mới được chuyển giao cho cấp cơ sở trong thời gian ngắn.

- Điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng số và nguồn lực đầu tư của địa phương còn hạn chế; tác động của tình hình kinh tế thế giới, biến đổi khí hậu và khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến khả năng bố trí nguồn lực thực hiện.

Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số nơi chưa thật sự sâu sát; việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện có lúc chưa kịp thời. Một vài cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến việc rà soát và sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

- Một bộ phận cán bộ, công chức chưa chủ động đổi mới tư duy, phương pháp làm việc; còn tâm lý e ngại trách nhiệm, ngại thay đổi, chưa thích ứng nhanh với yêu cầu vận hành mô hình mới.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhất là kỹ năng chuyên đổi số, quản trị hiện đại và xử lý công việc liên thông chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn...

- Việc phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong xử lý công việc còn thiếu chặt chẽ; công tác tham mưu ở một số lĩnh vực chưa kịp thời, chất lượng chưa cao; Công tác rà soát, hoàn thiện quy trình nội bộ, chuẩn hóa dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ở một số ngành, địa phương còn chậm.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, kịp thời của cấp ủy các cấp; đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, gắn với công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên.

Hai là, việc sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ phải đi trước một bước, đồng bộ với kiện toàn tổ chức; chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ, nhất là ở cấp xã, bảo đảm đủ năng lực, trình độ, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc tăng và yêu cầu quản lý ngày càng cao.

Ba là, cần cụ thể hóa tiêu chí đánh giá theo hướng rõ ràng, định lượng, gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ và sản phẩm công việc cụ thể; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu, khắc phục tình trạng đánh giá chung chung, hình thức.

Bốn là, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tự phê bình và phê bình; bảo đảm kiểm điểm thẳng thắn, khách quan, gắn trách nhiệm cá nhân (*nhất là người đứng đầu*) với tăng cường kiểm tra, giám sát, thẩm định và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan, nhằm bảo đảm đánh giá thực chất, đa chiều.

Năm là, chú trọng công tác hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ, nhất là đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, tham mưu ở cơ sở; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2031

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin, tuyên truyền, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy các cấp đối với việc hoàn thiện và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

nhiệm vụ. Kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Tây Ninh.

Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đẩy mạnh tuyên truyền trên nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát gắn với đánh giá trách nhiệm người đứng đầu và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Về xây dựng, hoàn thiện đồng bộ quy định; hoàn thiện cơ chế vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình công tác liên quan đến tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của các cơ quan trong hệ thống chính trị bảo đảm phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Đẩy mạnh sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị; giảm đầu mối trung gian, giảm số lượng cấp phó theo quy định; thực hiện hiệu quả chủ trương tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo hướng rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian xử lý; tăng tính chủ động cho cấp xã gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tinh giản quy trình nội bộ, giảm khâu trung gian trong xử lý công việc; đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi từ nền hành chính quản lý sang nền hành chính phục vụ; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

3. Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, y tế, doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh xã hội hóa

Tiếp tục rà soát, sắp xếp hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giảm đầu mối trung gian, khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

Đẩy mạnh tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện; tăng cường xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và các dịch vụ công mà khu vực tư nhân có khả năng thực hiện hiệu quả.

Rà soát, chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công không nhất thiết do Nhà nước trực tiếp thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm theo quy định pháp luật; khuyến khích hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ công.

Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; tăng cường quản trị hiện đại, công khai, minh bạch và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước.

4. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; biên chế của hệ thống chính trị

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, tư duy đổi mới, kỹ năng quản trị hiện đại, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới.

Tiếp tục hoàn thiện vị trí việc làm, khung năng lực; đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ theo hướng thực chất, gắn với sản phẩm công việc và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số, quản trị số, quản trị công hiện đại, kỹ năng xử lý tình huống và năng lực tham mưu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã.

Có cơ chế thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quy hoạch, đất đai, xây dựng, tài chính, y tế, giáo dục; đồng thời kiên quyết thay thế những cán bộ năng lực yếu, né tránh trách nhiệm, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Về xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo

Tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung” từ cấp tỉnh đến cấp xã; kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của hệ thống chính trị; tăng cường xử lý công việc trên môi trường điện tử; hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hợp không giấy và dịch vụ công trực tuyến.

Ưu tiên đầu tư hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, nền tảng số dùng chung; nâng cao chất lượng đường truyền, trang thiết bị công nghệ thông tin tại cơ sở, nhất là khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo và các phương pháp quản trị hiện đại trong quản lý, điều hành, phân tích dữ liệu, dự báo và hỗ trợ ra quyết định; nâng cao năng suất lao động khu vực công, giảm thời gian xử lý công việc và từng bước cải thiện điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

6. Về tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương án sắp xếp một số xã, phường chưa bảo đảm một trong hai tiêu chí về diện tích hoặc dân số và một số xã, phường bảo đảm tiêu chí tuy nhiên xét về mặt bằng chung còn manh mún, không còn không gian, dư địa để phát triển, nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao nhất theo tinh thần kiến tạo không gian phát triển, gần dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, quy hoạch, đất đai, thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển.

Đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng logistics, hạ tầng số và hạ tầng khu, cụm công nghiệp; khai thác hiệu quả lợi thế kinh tế cửa khẩu, nhất là Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Bình Hiệp...

Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, thương mại, dịch vụ và du lịch; thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nền kinh tế.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của cả nước trong giai đoạn mới.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Sớm ban hành và triển khai thực hiện chế độ, chính sách tiền lương mới theo hướng phù hợp với vị trí việc làm, khối lượng công việc và yêu cầu thực tiễn; bảo đảm tương xứng, hợp lý để tạo động lực, giữ chân, thu hút cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng tăng sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, nhất là cấp xã theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; bảo đảm địa phương chủ động, linh hoạt hơn trong giải quyết công việc và phục vụ Nhân dân. Đồng thời, phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực hợp lý, bảo đảm các điều kiện thực hiện như biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ để địa phương có đủ năng lực tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành đầy đủ quy trình, thủ tục hành chính, hướng dẫn chuyên môn, phần mềm dùng chung đối với các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cho địa phương; hạn chế tình trạng giao nhiệm vụ nhưng chưa có hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa thống nhất.

2. Kiến nghị, đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương

- Hiện nay có một số xã, phường sau khi sắp xếp chưa đảm bảo 01 trong 02 tiêu chí về diện tích và dân số (*tỉnh có 11 xã*) và một số xã đảm bảo tiêu chí, tuy nhiên xét về mặt bằng chung còn manh mún, không còn không gian, dư địa để phát triển. Xin ý kiến Trung ương giao cho địa phương chủ động xây dựng Đề án sắp xếp để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả cao nhất theo tinh thần kiến tạo không gian phát triển, gần dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

- Theo quy định tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm không vượt quá bình quân 4,5 tổ chức. Tuy nhiên, để đảm bảo tính liên thông, thống nhất, đồng bộ trong phạm vi cả nước, kiến nghị Trung ương có quy định, hướng dẫn chung để cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

- Đề nghị tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ quan ngành dọc (*hiện nay đang thực hiện theo mô hình khu vực*) theo hướng gắn với đơn vị hành chính cấp tỉnh, tạo thuận lợi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

- Hiện nay, Ban Bí thư đã ban hành Quyết định số 167-QĐ/TW, ngày 19/5/2026 của Ban Bí thư; trong đó, quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, mỗi

quan hệ công tác của đảng ủy (chi bộ) cấp tỉnh nơi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng. Tuy nhiên, để đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt, kịp thời, trực tiếp của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, kiến nghị Trung ương xem xét, nghiên cứu, có quy định, hướng dẫn rõ hơn về mô hình, cơ chế hoạt động của Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để tránh chồng chéo với sự lãnh đạo của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, nhất là trong việc lãnh đạo quyết định các vấn đề liên quan cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Sớm tham mưu phân bổ biên chế năm 2026 cho tỉnh theo hướng phù hợp với quy mô dân số, diện tích, khối lượng công việc, số lượng nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền để đảm bảo biên chế thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao và có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp.

- Sớm ban hành đồng bộ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; trong đó quan tâm cải cách chính sách tiền lương theo hướng bảo đảm tương xứng với vị trí việc làm, khối lượng công việc, trách nhiệm và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đồng thời, nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nhất là tại các địa bàn biên giới, địa bàn có quy mô dân số lớn, khối lượng công việc cao; hướng dẫn cụ thể việc xếp lương theo vị trí việc làm, chế độ phụ cấp công tác đảng, phụ cấp kiêm nhiệm và các chế độ, chính sách liên quan đối với cán bộ, công chức cấp xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc UBND xã để có cơ sở triển khai thực hiện thống nhất, hiệu quả và hướng dẫn thống nhất về khung vị trí việc làm đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp xã, nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm vận hành ổn định, đồng bộ, liên thông dữ liệu; nâng cao khả năng theo dõi, thống kê, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ; khắc phục tình trạng chậm đồng bộ dữ liệu, lỗi thanh toán trực tuyến và sai lệch số liệu thống kê trong quá trình vận hành thực tế.

- Tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị điều hành trên môi trường điện tử, sử dụng phần mềm

chuyên ngành, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là công chức cấp xã.

- Sớm ban hành, triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý hồ sơ, đánh giá, quy hoạch, điều động, bố trí nhân sự và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị.

- Xem xét, có thống nhất để địa phương tiếp tục thực hiện chi trả chính sách, chế độ theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ cho các trường hợp còn sót hoặc chưa kịp chi trả hoặc có điều chỉnh về mức chi trả.

- Sớm hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, mở kết nối, chia sẻ liên thông với địa phương và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán cho các hoạt động đặc thù về chuyển đổi số (xây dựng cơ sở dữ liệu, vận hành AI) để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, hiệu quả và tiếp tục quan tâm hỗ trợ tỉnh Tây Ninh kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Vụ Địa phương III, Ban TCTW;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy;
- Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



(Signature)

Nguyễn Mạnh Hùng

Biểu 1B

KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026



TT	Nội dung	Tổng số lượng	Trong đó chia theo cấp tham gia tập huấn, quán triệt/đối tượng được kiểm tra giám sát			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	Cả cấp tỉnh và cấp xã	
I	Công tác quán triệt, tuyên truyền	9245	83	7483	1679	
1	Hội nghị quán triệt	137	36	96	5	
2	Lớp tập huấn	7763	47	7372	344	
3	Hình thức khác	1345		15	1330	
II	Công tác kiểm tra, giám sát	17	13		4	
1	Số cuộc kiểm tra	16	13		3	
2	Số cuộc giám sát	1			1	

(1) Tính theo số lượng hội nghị, lớp tập huấn và chia ra theo các đối tượng tham gia.

(2) Tính theo số cuộc kiểm tra, giám sát và chia ra theo đối tượng được kiểm tra, giám sát của từng cuộc.

**THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ,
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cấp ủy cấp tỉnh				
1	Quy định	66-QĐ/TU	07/01/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quy định số 170-QĐ/TU, ngày 02/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh Tây Ninh.	
2	Kết luận	85-KL/TU	29/7/2025	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện các giải pháp vận hành chính quyền địa phương hai cấp hoạt động ổn định, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả	
3	Thông báo	03-TB/TU	20/10/2025	Phân công Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 phụ trách các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy	
4	Quy định	170-QĐ/TU	02/12/2025	Về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh Tây Ninh.	
5	Quy định	185-QĐ/TU	12/05/2025	Về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.	
6	Thông báo	06-TB/TU	15/01/2026	Phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 phụ trách các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy	
7	Quyết định	304-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức Văn phòng cấp ủy tỉnh Tây Ninh	
8	Quyết định	314-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh	
9	Quyết định	305-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh	
10	Quyết định	306-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức của tổ chức Công đoàn tỉnh Tây Ninh	
11	Quyết định	307-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tây Ninh	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Quyết định	308-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tây Ninh	
13	Quyết định	309-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức của tổ chức Hội Nông dân tỉnh Tây Ninh	
14	Quyết định	310-QĐ/TU	28/01/2026	Ban hành Danh mục vị trí việc làm công chức của tổ chức Hội Cựu chiến binh tỉnh Tây Ninh.	
15	Kế hoạch	26-KH/BTGDVTU	03/10/2026	Khảo sát, nắm tình hình công tác tuyên giáo và dân vận sau gần một năm thực hiện đơn vị hành chính hai cấp	
16	Báo cáo	64-BC/BTGDVTU	05/04/2026	Báo cáo kết quả điều tra dư luận xã hội "về việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh"	
17	Báo cáo	132-BC/TU	18/5/2026	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy định số 301-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã	
18	Kế hoạch	60-KH/TU	21/5/2026	Kế hoạch tổ chức sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp	
II	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh				
1	Nghị quyết	03/2025/NQ-HĐND	08/07/2025	Ban hành Quy định về chế độ chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân hai cấp	
2	Nghị quyết	16/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu chức danh Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nhiệm kỳ 2026 - 2031	
3	Nghị quyết	15/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu các ủy viên Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031.	
4	Nghị quyết	14/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2026-2031.	
5	Nghị quyết	13/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2026-2031.	
6	Nghị quyết	12/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu Trưởng các Ban HĐND tỉnh Tây Ninh khoá XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031	
7	Nghị quyết	11/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Tây Ninh khoá XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.	
8	Nghị quyết	10/NQ-HĐND	30/3/2026	Xác nhận kết quả bầu Chủ tịch HĐND tỉnh Tây Ninh khoá XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9	Nghị quyết	18/2026/NQ-HĐND	;12/5/2026	Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031	
III	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				
IV	Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh				
1	Đề án	01/ĐA-MTTQ-BTT	17/06/2025	Đề án về hợp nhất, sắp xếp, tinh gọn tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An	
2	Kế hoạch	06/KH-MTTQ-BTT	22/08/2025	Kế hoạch về việc Hợp nhất các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	



TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỎI ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở CẤP TỈNH

STT	Tổ chức hành chính	Tổng số phòng và tương đương trực thuộc			Số lượng cán bộ, lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp phòng và công chức chuyên môn có mặt									Ghi chú
		Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh			Lãnh đạo cấp phòng và tương đương			Cán bộ, công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo)			
					Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến sau sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến sau sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến sau sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	
	TỔNG CỘNG (I+II)	73	42	42	65	63	63	119	118	123	215	211	229	
I	Khối đảng (1+2+..+8)	31	32	32	42	42	42	69	78	83	113	124	142	
1	Ban Tổ chức	4	4	4	8	7	7	16	16	16	23	29	29	
2	Ban Tuyên giáo và Dân vận	7	7	7	6	5	5	12	17	22	22	22	40	
3	Ban Nội chính	4	4	4	6	7	7	7	8	8	14	11	11	
4	Cơ quan UBKT	3	4	4	14	14	14	8	10	10	10	13	13	
5	Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ	5	5	5	5	6	6	13	13	13	28	33	33	
6	Đảng ủy các cơ quan Đảng	4	4	4	1	1	1	6	7	7	7	6	6	
7	Đảng ủy UBND tỉnh	4	4	4	2	2	2	7	7	7	9	10	10	
II	Khối MTTQ và các đoàn thể (1+2+....+6)	42	10	10	23	21	21	50	40	40	102	87	87	
-	Chủ tịch MTTQ				1	1								
-	Phó Chủ tịch MTTQ				10	8								
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	6	4	4	5	3	3	14	11	11	34	31	31	
2	Liên đoàn lao động	10	2	2	4	4	4	8	6	6	34	28	28	
3	Hội Nông dân	6	1	1	2	2	2	7	6	6	6	6	6	
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	6	1	1	3	3	3	8	7	7	8	4	4	
5	Hội Cựu chiến binh	4	1	1	7	5	5	6	5	5	5	5	5	
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	10	1	1	2	4	4	7	5	5	15	13	13	



STT	Cơ quan, tổ chức hành chính	Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND, HĐND cấp tỉnh									Số lượng lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn												Ghi chú
		Số phòng thuộc Sở và tương đương			Chi cục và tương đương			Số phòng thuộc Chi cục và tương đương			Lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương			Lãnh đạo phòng thuộc sở và tương đương			Lãnh đạo chi cục và tương đương			Lãnh đạo chi cục và tương đương			
		Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 31/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ	
TỔNG CỘNG		101	101	101	9	9	9	71	71	71	118	115	115	304	290	294	38	38	38	38	38	38	
I	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	97	97	97	9	9	9	71	71	71	102	96	96	294	282	282	38	38	38	38	38	38	
1	Sở Dân tộc và Tôn Giáo	4	4	4							4	4	4	6	7	7							
2	Sở Xây dựng	9	9	9							10	9	9	32	30	30							
3	Sở Tài chính	9	9	9							10	9	9	39	39	39							
4	Sở Khoa học và Công nghệ	6	6	6							7	6	6	25	20	20							
5	Sở Nội vụ	8	8	8	1	1	1	2	2	2	9	7	7	20	22	22	3	3	3	3	3	3	
6	Sở Nông nghiệp và Môi Trường	5	5	5	5	5	5	50	50	50	10	9	9	23	20	20	25	25	25	25	25	25	
7	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	5	5	5							7	6	6	13	13	13							
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	7	7							8	7	7	18	16	16							
9	Sở Ngoại vụ	3	3	3							4	4	4	6	6	6							
10	Sở Quy hoạch - Kiến trúc																						
11	Sở Công thương	7	7	7	1	1	1	14	14	14	6	6	6	18	18	18	5	5	5	5	5	5	
12	Sở Tư pháp	6	6	6							4	6	6	11	12	12							
13	Sở Y tế	6	6	6	2	2	2	5	5	5	3	5	5	18	16	16	5	5	5	5	5	5	
14	Thanh tra tỉnh	9	9	9							6	5	5	32	32	32							
15	Văn phòng UBND cấp tỉnh	8	8	8							8	7	7	19	19	19							
16	Ban Quản lý khu kinh tế	5	5	5							6	6	6	14	12	12							
II	Cơ quan của HĐND cấp tỉnh	4	4	4	0	0	0	0	0	0	16	19	19	10	8	12	0	0	0	0	0	0	
1	Đoàn ĐBQH tỉnh										2	2	2										
2	Thường trực HĐND tỉnh										3	3	3										
3	Ban Văn hoá - xã hội										2	3	3										
4	Ban Pháp chế										2	3	3										
5	Ban Kinh tế - Ngân sách										2	3	3										
6	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh	4	4	4							5	5	5	10	8	12							

Biểu 5B

BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP TỈNH
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	
A	Khối Đảng	354	242	3	127	111		1	134	79	7	164	25	
1	Bí thư tỉnh uỷ		1		1				1		1			
2	Phó Bí Thư tỉnh uỷ		4		4				4			4		
3	Trưởng ban, Chủ nhiệm UBKT		5	1	4				5			5		
4	Phó Trưởng ban, Phó chủ nhiệm UBKT		26	1	20	5			26			22	4	
5	Ủy viên uỷ ban kiểm tra chuyên trách		8		5	3			8			8		
6	Trưởng phòng và tương đương		27		17	10			26	1		19	8	
7	Phó Phòng và tương đương		61		38	23			45	16		49	1	

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	
8	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		110	1	38	70		1	19	62	6	57	12	
B	Khối MTTQ, các đoàn thể	279	145		51	92	2		60	56		145		
1	Chủ tịch MTTQ		1		1				1			1		Đ/c UV.BTVTU kiêm nhiệm
2	Phó Chủ tịch MTTQ/Phó Chủ tịch MTTQ kiêm trưởng các tổ chức đoàn thể		8		8				8			8		- 01 đ/c PCT Thường trực UBMTTQVN tỉnh. - 02 đ/c PCT UBMTTQVN tỉnh. - 05 đ/c PCT
3	Trưởng phòng và tương đương		1			1			1			1		Văn phòng

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	
4	Trưởng các Ban trực thuộc cơ quan UBMTTQVN tỉnh		9		9				9			9		Ban TO chức - Kiểm tra; Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội; Ban Tuyên giáo, công tác xã hội; Ban Công đoàn khu công nghiệp, Ban Công tác Công đoàn, Ban Công tác Đoàn và Thanh thiếu nhi; Ban Công tác Phụ nữ; Ban Công tác Nông
5	Phó Phòng và tương đương		39		16	23			35	2		39		
6	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		87		17	68	2		6	54		87		

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	
C	Khối chính quyền	2177	1324	13	514	790	7	0	354	683	1	400	32	
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân		1	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân		8	3	5	0	0	0	8	0	1	6	1	
3	Giám đốc sở, ngành tương đương cấp tỉnh		15	1	13	1	0	0	15	0	0	8	7	

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/ tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	
4	Phó Giám đốc sở, ngành tương đương cấp tỉnh		81	1	66	14	0	0	81	0	0	71	10	
5	Trưởng phòng và tương đương		110	1	67	42	0	0	103	7	0	106	4	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương		218	0	157	61	0	0	146	72	0	208	10	
7	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		891	7	205	672	7	0	0	604	0	0	0	
	TỔNG SỐ	2810	1711	16	692	993	9	1	548	818	8	709	57	

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	

Biểu 6B

BÁO CÁO THỐNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay					Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	
A	Khối Đảng	2,291	1,695	-	441	1,254			887	808	119	1,227	468	66	-	
1	Bí thư đảng ủy xã, phường	96	95		47	48			95		47	48				
2	Phó Bí Thư đảng ủy xã, phường	192	191		36	155			191			178	13			
3	Trưởng ban, Chủ nhiệm UBKT, Chánh Văn phòng Đảng ủy xã, phường	294	268		124	144			268			185	83			
4	Phó Trưởng ban, Phó chủ nhiệm UBKT, Phó CVP đảng ủy xã, phường	448	352		179	173			274	195		228	124			
10	Ủy viên ủy ban kiểm tra chuyên trách	294	233		19	214			59	273	4	193	40			
6	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	967	556		36	520				340	68	395	189			
B	Khối MTTQ, các đoàn thể	1,208	942		184	1,003			311	236		616	571			
1	Chủ tịch MTTQ	96	96		63	33			96			64	32			
2	Phó Chủ tịch MTTQ kiêm trưởng các tổ chức đoàn thể	487	468		49	419			215	137		295	173			
3	Phó các tổ chức đoàn thể	482	436		38	398				52		163	273			
4	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	197	187		34	153				47		94	93			
C	Khối chính quyền	5,300	3,848	1	579	3,264	3	1			106	1,266	2,208	142	126	
I	LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ															
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	96	96		66	30					11	69	14	2		
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	336	281		119	162					9	121	144	7		
5	Trưởng phòng và tương đương	384	348		107	241					6	164	166	12		
6	Phó Trưởng phòng và tương đương	768	437		88	349					8	206	212	11		
II	CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ (Công chức chuyên môn không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo từng lĩnh vực)															
1	Lĩnh vực Văn phòng	410	371		14	356	0	1			9	90	237	5	30	
2	Lĩnh vực Tư pháp	185	177		9	168					3	33	138	1	2	
3	Lĩnh vực Đối ngoại	35	33		4	29						8	22		3	
4	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	303	210		19	191					7	75	114	5	9	
5	Lĩnh vực Xây dựng	318	128		16	112					3	49	67	4	5	
6	Lĩnh vực Công Thương	96	77		8	69					5	23	43	3	3	

7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	417	302		36	266					4	80	193	7	18	
8	Lĩnh vực Nội vụ	352	286		13	273					14	95	165	2	10	
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	96	101	1	8	92					3	35	52	2	9	
10	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin, chuyển đổi số	243	148		10	138					12	26	94	2	14	
11	Lĩnh vực Y tế	106	85		3	82					1	16	56	4	8	
12	Trung tâm Phục vụ hành chính công	515	445		28	417					4	52	337	46	6	
13	Lĩnh vực, vị trí khác	640	323		31	289	3				7	124	154	29	9	
	TỔNG SỐ	8,799	6,485	1	1,204	5,521	3	1	1,198	1,044	225	3,109	3,247	208	126	

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 31/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc Đảng uỷ, MTTQ, các đoàn thể, HĐND, UBND cấp xã.

BÁO CÁO THỐNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG VIÊN CHỨC CẤP TỈNH, CẤP XÃ
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Trong đó số lượng ĐVSN chi theo mức độ tự chủ					Tổng số lượng người làm việc mặt		Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Ghi chú
		Tổng số lượng đơn vị sự nghiệp	ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	
A	Khối Đảng															
I	Đơn vị thuộc Tỉnh uỷ	2	-	1	1	-	167	-	3	24	98	2	-	55	81	
1	Cấp trưởng đơn vị						2	-	1	-	1	-	-	2	-	
2	Cấp phó đơn vị						9	-	1	4	4	-	-	9	-	
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị						13	-	1	5	7	-	-	13	-	
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị						21	-	-	12	9	-	-	15	6	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)						122	-	-	3	77	2	-	16	75	
III	Đơn vị thuộc Đảng uỷ cấp xã	24				24	68	-	-	7	61	-	-	27	12	
1	Cấp trưởng đơn vị						24			6	18			24		
2	Cấp phó đơn vị						15			1	14			3	12	
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị															
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị															
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc															
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc															
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)						29				29					
B	Khối MTTQ, các đoàn thể															
I	Đơn vị thuộc MTTQ tỉnh	1	-	-	1	-	14	-	-	-	14	-	-	2	8	
1	Cấp trưởng đơn vị						1	-	-	-	1	-	-	1	-	
2	Cấp phó đơn vị						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc						-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)						13	-	-	-	13	-	-	1	8	
C	Khối chính quyền															
I	Đơn vị thuộc UBND tỉnh	11	3	3	3	2										
1	Cấp trưởng đơn vị															
2	Cấp phó đơn vị															
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị															
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị															
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)															
II	Đơn vị thuộc các sở, ngành	157	8	15	113	21										

1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
III	Đơn vị thuộc UBND cấp xã	1157	73	42	1042										
1	Cấp trưởng đơn vị					1003	36	0	117	913	2	8	53	961	
2	Cấp phó đơn vị					1292	30	0	67	1217	13	25	14	1196	
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị					0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị					0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)					25673	148	1	203	21958	2444	1205	13	2685	10VC trạm Y tế không có trình độ
	TỔNG SỐ														



PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, số, chỉ cục thuộc số, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59/CV/UBND		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNC, doanh nghiệp theo dự kiến						
			Cơ cấu lại hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả	Sắp xếp ĐVSNC, doanh nghiệp theo định hướng của BCD (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Mức độ tự chủ (áp dụng với ĐVSNC)				
								ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	
1	2	3	5	6	7	8	9	11	12	13	14	
						TỔNG		#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	
I	Khối đảng				I	Khối đảng			1	1		
1	Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh	Thuộc Tỉnh ủy		Giữ nguyên	1	Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh	Thuộc Tỉnh ủy			1		
2	Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh	Thuộc Tỉnh ủy		Giữ nguyên	2	Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh	Thuộc Tỉnh ủy		1			
II	Khối MTTQ, các đoàn thể				II	Khối MTTQ, các đoàn thể				1		
I	Các đơn vị sự nghiệp				I	Các đơn vị sự nghiệp				1		
1	Trung tâm Học tập, Sinh hoạt Thanh thiếu nhi Tây Ninh (cũ)	Tỉnh đoàn Tây Ninh		Hợp nhất với Trung tâm Thanh thiếu nhi Long An và đổi tên thành Trung tâm Thanh thiếu nhi tỉnh Tây Ninh	1	Trung tâm Thanh thiếu nhi tỉnh Tây Ninh	Trực thuộc MTTQ tỉnh			1		
2	Trung tâm Thanh thiếu nhi Long An	Tỉnh đoàn Long An		Hợp nhất với Trung tâm Học tập, Sinh hoạt Thanh thiếu nhi Tây Ninh và đổi tên thành Trung tâm Thanh thiếu nhi tỉnh Tây Ninh								
3	Trường Đoàn Tây Ninh (cũ)	Tỉnh đoàn Tây Ninh	Giải thể									
2	Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ			Hợp nhất 19 Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của Tây Ninh cũ và 21 Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của Long An theo từng tổ chức thành tổ chức Hội tỉnh Tây Ninh (mới)	2	Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ						
					1	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tây Ninh						
					2	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật tỉnh Tây Ninh						
					3	Hội Nhà báo tỉnh Tây Ninh						
					4	Hội Khuyến học tỉnh Tây Ninh						
					5	Hội Đông y tỉnh Tây Ninh						
					6	Hội Cựu giáo chức tỉnh Tây Ninh						
					7	Hội Luật gia tỉnh Tây Ninh						
					8	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh						
					9	Hội Người mù tỉnh Tây Ninh						
					10	Hội Người cao tuổi tỉnh Tây Ninh						

					11	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Tây Ninh					
					12	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Tây Ninh					
					13	Hội Bảo trợ người khuyết tật, người nghèo và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Tây Ninh					
					14	Câu lạc bộ Hưu trí tỉnh Tây Ninh					
					15	Hội Người tù kháng chiến tỉnh Tây Ninh					
					16	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Tây Ninh					
					17	Hội Thân nhân kiều bào tỉnh Tây Ninh					
					18	Hội Khoa học lịch sử tỉnh Tây Ninh					
					19	Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh Tây Ninh					
					20	Hội Kiến trúc sư tỉnh Tây Ninh					
					21	Hội Y học tỉnh Tây Ninh					
					22	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tây Ninh					
					23	Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh					
					24	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh					
III	Khối Chính quyền				III	Khối Chính quyền		#REF!	#REF!	#REF!	#REF!
1	Lĩnh vực giáo dục				1	Lĩnh vực giáo dục			2	113	853
<i>1.1</i>	<i>Cao đẳng</i>				<i>1.2</i>	<i>Cao đẳng</i>			<i>1</i>	<i>2</i>	
	Trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	Sáp nhập thành cơ sở 2 của Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh tại tỉnh Tây Ninh								
	Trường Cao đẳng Nghề Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	Tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh và đổi tên thành Trường		Trường Cao đẳng Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh				1	
	Trường Cao đẳng Y tế Long An	Thuộc UBND tỉnh	Tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh		Trường Cao đẳng Y tế Long An	Thuộc UBND tỉnh				1	
	Trường Cao đẳng Long An	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên		Trường Cao đẳng Long An	Thuộc UBND tỉnh		1			
<i>1.2</i>	<i>Trung cấp nghề</i>				<i>1.2</i>	<i>Trung cấp nghề</i>					
	Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Sáp nhập vào Trường Cao đẳng Y tế Long An								
	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Sáp nhập vào Trường Cao đẳng Nghề Tây Ninh		...						
<i>1.3</i>	<i>Trung tâm GDNN</i>				<i>1.3</i>	<i>Trung học nghề</i>				<i>1</i>	<i>2</i>
	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 1	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổ chức lại và đổi tên thành Trường Trung học nghề Tân Ninh		Trung học nghề Tân Ninh					1	
	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 2	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo									
	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 3	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Hợp nhất thành Trường Trung học nghề Tân Châu		Trung học nghề Tân Châu						1

	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 4	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo								
	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 5	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo								
	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 6	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Hợp nhất thành Trường Trung học nghề Trảng Bàng		Trường Trung học nghề Trảng Bàng					1
	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 7	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo								
1.4	Trung tâm GDTX			1.4	Trung tâm GDTX			1	1	
	Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		1		
	Trung tâm GDTX và Kỹ thuật tổng hợp	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Long An		Trung tâm GDTX và Kỹ thuật tổng hợp	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
1.5	Trung học phổ thông			1.5	Trung học phổ thông				67	
	THPT Nguyễn Văn Trỗi	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Văn Trỗi	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Vĩnh Hưng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Vĩnh Hưng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Phan Văn Đạt	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Phan Văn Đạt	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Bình Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Bình Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Mỹ Quý	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Mỹ Quý	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Bình Phong Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Lương Hòa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Lương Hòa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Trần Phú	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Trần Phú	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Chí Thanh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Chí Thanh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Long Cang	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Long Cang	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Mỹ Bình	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Mỹ Bình	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Long Hựu Đông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Long Hựu Đông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Nguyễn Thị Một	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Trung Trực (Nhật Tảo)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Trung Trực (Nhật Tảo)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Thủ Thừa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Thủ Thừa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Lộc Hưng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Lộc Hưng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tân Trụ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân Trụ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	

	THPT Tân Hưng (TN cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân Hưng (TN cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tân Hưng (LA cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân Hưng (LA cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tân Châu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân Châu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Rạch Kiến	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Rạch Kiến	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Trãi	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Trãi	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Đình Chiểu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Trung Trực (TN cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Trung Trực (TN cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Mỹ Lạc	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Mỹ Lạc	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Kiến Tường	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Kiến Tường	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Hùng Vương	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Hùng Vương	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Hậu Nghĩa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Hậu Nghĩa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Đức Huệ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Đức Huệ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Đông Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Đông Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Cần Giuộc	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Cần Giuộc	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Khánh Hưng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Khánh Hưng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Hưng Điền B	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Hưng Điền B	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Lê Quý Đôn (LA cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Lê Quý Đôn (LA cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Đức Hòa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Đức Hòa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tráng Bàng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tráng Bàng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Ngô Gia Tự	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Ngô Gia Tự	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	Phổ thông Dân tộc nội trú	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		Phổ thông Dân tộc nội trú	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Lý Thường Kiệt	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Lý Thường Kiệt	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	

	THPT Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Dương Minh Châu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Dương Minh Châu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Hữu Thọ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Quang Trung	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Quang Trung	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tân Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân Thạnh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Thông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Thông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tân An	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân An	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Gò Đen	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Gò Đen	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Võ Văn Tần	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Võ Văn Tần	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT chuyên Trần Văn Giàu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Huệ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Huệ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Lê Quý Đôn (TN cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Lê Quý Đôn (TN cũ)	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Lê Hồng Phong	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Lê Hồng Phong	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Huỳnh Thúc Kháng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Huỳnh Thúc Kháng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Tân Đông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Tân Đông	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Cần Đước	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Cần Đước	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Nguyễn Thái Bình	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Nguyễn Thái Bình	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Chu Văn An	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Chu Văn An	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT An Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT An Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Trần Đại Nghĩa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Trần Đại Nghĩa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Thanh Hóa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Thanh Hóa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Thiên Hộ Dương	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Thiên Hộ Dương	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	

	THPT Hoàng Văn Thụ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Hoàng Văn Thụ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
	THPT Lương Thế Vinh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên		THPT Lương Thế Vinh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			1	
1.6	Trường THCS, TH, MN, trường liên cấp	Thuộc UBND cấp xã	Giữ nguyên		Trường THCS, TH, MN, trường liên cấp	Thuộc UBND cấp xã			42	850
1.7	ĐVSNCN khác			1.7	ĐVSNCN khác					1
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Sáp nhập vào Trung tâm GDTX và Kỹ thuật tổng hợp							
	Trung tâm Nuôi dạy trẻ khiếm thị tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Nuôi dạy trẻ khiếm thị tỉnh Tây Ninh và Trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh và đổi tên thành Trường Giáo dục chuyên biệt Tây Ninh		Trường Giáo dục chuyên biệt Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo				1
	Trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo								
2	Lĩnh vực Y tế			2	Lĩnh vực Y tế			10	28	96
2.1	Bệnh viện cấp tỉnh			2.1	Bệnh viện			4	4	
	Bệnh viện Đa khoa Long An	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Đa khoa Long An	Thuộc Sở Y tế		1		
	Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế		1		
	Bệnh viện Y học Cổ truyền Long An	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Y học Cổ truyền Long An	Thuộc Sở Y tế			1	
	Bệnh viện Y dược Cổ truyền Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Y dược Cổ truyền Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế		1		
	Bệnh viện Phổi Long An	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Phổi Long An	Thuộc Sở Y tế			1	
	Bệnh viện Phổi Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Phổi Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế			1	
	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế		1		
	Bệnh viện Tâm thần Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện Tâm thần Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế			1	
	Bệnh viện đa khoa (cấp huyện trước đây)				Bệnh viện đa khoa (cấp huyện trước đây)			3		
	Bệnh viện đa khoa khu vực Cần Giuộc	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện đa khoa khu vực Cần Giuộc			1		
	Bệnh viện đa khoa khu vực Kiến Tường	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện đa khoa khu vực Kiến Tường			1		
	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa			1		
2.2	Trung tâm y tế			2.2	Trung tâm y tế			3	21	
	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	Thuộc Sở Y tế		1		
	Trung tâm Y tế khu vực Thủ Thừa	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Thủ Thừa	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Đức Huệ	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Đức Huệ	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Thạnh Hóa	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Thạnh Hóa	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Mộc Hóa	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Mộc Hóa	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Hưng	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Hưng	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tân Hưng	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân Hưng	Thuộc Sở Y tế		1		
	Trung tâm Y tế khu vực Tân Trụ	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân Trụ	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tầm Vu	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tầm Vu	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Đức Hòa	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Đức Hòa	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tân Thạnh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân Thạnh	Thuộc Sở Y tế			1	

	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	Thuộc Sở Y tế		1		
	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bàng	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bàng	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Bến Cầu	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Bến Cầu	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Gò Dầu	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Gò Dầu	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tân Biên	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân Biên	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tân Châu	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân Châu	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Dương Minh Châu	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Dương Minh Châu	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Cần Giuộc	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Cần Giuộc	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Kiến Tường	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Kiến Tường	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Y tế khu vực Tân An	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Y tế khu vực Tân An	Thuộc Sở Y tế			1	
2.3	<i>Trạm Y tế cấp xã</i>	<i>Thuộc UBND cấp xã</i>	<i>Giữ nguyên</i>	2.3	<i>Trạm Y tế cấp xã</i>	<i>Thuộc UBND cấp xã</i>				96
2.4	<i>ĐVSNCCL khác</i>			2.4	<i>ĐVSNCCL khác</i>				3	
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Pháp Y tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Pháp Y tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế			1	
	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế			1	
3	Lĩnh vực Xây dựng			3	Lĩnh vực Xây dựng		5	75		
3.1	<i>Ban quản lý dự án</i>			3.1	<i>Ban Quản lý dự án thuộc UBND cấp tỉnh</i>		3			
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	Tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp, hợp nhất với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An		Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình nông nghiệp tỉnh Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	1			
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	Tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp, hợp nhất với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Đầu tư		Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	1			
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An	Thuộc UBND tỉnh	Tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp, hợp nhất với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Đầu tư		Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	1			
3.2	<i>Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp xã</i>			3.2	<i>Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp xã</i>			73		
	Tính đến 01/5/2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã có 73 UBND xã, phường thành lập BQLDA cấp xã	Thuộc UBND cấp xã			Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp xã	Thuộc UBND cấp xã		73		
3.3	<i>Khác</i>			3.3	<i>Khác</i>		2	2		
	Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng	Thuộc Sở Xây dựng	Giữ nguyên		Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng	Thuộc Sở Xây dựng		1		
	Trung tâm Quy hoạch Xây dựng	Thuộc Sở Xây dựng	Giữ nguyên		Trung tâm Quy hoạch Xây dựng	Thuộc Sở Xây dựng	1			

	Trung tâm Giám định Chất lượng xây dựng	Thuộc Sở Xây dựng	Giữ nguyên		Trung tâm Giám định Chất lượng xây dựng	Thuộc Sở Xây dựng	1			
	Ban Quản lý bảo trì	Thuộc Sở Xây dựng	Giữ nguyên		Ban Quản lý bảo trì	Thuộc Sở Xây dựng		1		
4	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin			4	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin			1		8
	Ban Quản lý các khu Di tích lịch sử Cách mạng miền Nam	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên		Ban Quản lý các khu Di tích lịch sử Cách mạng miền Nam	Thuộc UBND tỉnh				1
	Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên		Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen	Thuộc UBND tỉnh		1		
	Đoàn Nghệ thuật Cải lương Vàm Cỏ	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Đoàn Nghệ thuật Cải lương Vàm Cỏ	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
	Trường Thể dục thể thao	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Trường Thể dục thể thao	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
	Thư viện	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Thư viện	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
	Bảo tàng	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Bảo tàng	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
	Trung tâm Xúc tiến du lịch	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giữ nguyên		Trung tâm Xúc tiến du lịch	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				1
5	Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường			5	Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường		3		1	3
	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên							
	Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên		Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Thuộc UBND tỉnh				1
	Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giữ nguyên		Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường			1	
	Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giữ nguyên		Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	1			
	Khu Bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giữ nguyên		Khu Bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường				1
	Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giữ nguyên		Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường				1

	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giữ nguyên		Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	1			
	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giữ nguyên		Văn phòng Đăng ký đất đai	Thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	1			
6	Các ĐVSNCN thuộc các ngành, lĩnh vực khác			6	Các ĐVSNCN thuộc các ngành, lĩnh vực khác		4	6	3	7
	Trung tâm Phục vụ hội nghị	Thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Giữ nguyên		Trung tâm Phục vụ hội nghị	Thuộc Văn phòng UBND tỉnh		1		
	Trung tâm Công báo - Tin học	Thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Giữ nguyên		Trung tâm Công báo - Tin học	Thuộc Văn phòng UBND tỉnh				1
	Trung tâm Chuyển đổi số	Thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	Giữ nguyên		Trung tâm Chuyển đổi số	Thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	1			
	Trung tâm Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	Giữ nguyên		Trung tâm Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Thuộc Sở Khoa học và Công nghệ			1	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế				1
	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế	Giữ nguyên		Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Y tế				1
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Thuộc Sở Nội vụ	Giữ nguyên		Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Thuộc Sở Nội vụ		1		
	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Nội vụ	Giữ nguyên		Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Nội vụ			1	
	Trung tâm Điều dưỡng Người có công	Thuộc Sở Nội vụ	Giữ nguyên		Trung tâm Điều dưỡng Người có công	Thuộc Sở Nội vụ				1
	Ban Quản lý nghĩa trang	Thuộc Sở Nội vụ	Giữ nguyên		Ban Quản lý nghĩa trang	Thuộc Sở Nội vụ				1
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Thuộc Sở Tư pháp	Giữ nguyên		Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Thuộc Sở Tư pháp				1
	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	Thuộc Sở Tư pháp	Giữ nguyên		Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	Thuộc Sở Tư pháp			1	
	Phòng Công chứng số 1	Thuộc Sở Tư pháp	Giữ nguyên		Phòng Công chứng số 1	Thuộc Sở Tư pháp		1		
	Phòng Công chứng số 2	Thuộc Sở Tư pháp	Giữ nguyên		Phòng Công chứng số 2	Thuộc Sở Tư pháp		1		
	Phòng Công chứng số 3	Thuộc Sở Tư pháp	Giữ nguyên		Phòng Công chứng số 3	Thuộc Sở Tư pháp		1		
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Công Thương	Giữ nguyên		Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh	Thuộc Sở Công Thương		1		
	Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ doanh nghiệp	Thuộc Sở Tài chính	Giữ nguyên		Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ doanh nghiệp	Thuộc Sở Tài chính				1
	Cảng vụ đường thủy nội địa	Thuộc Sở Xây dựng	Tổ chức lại thành Tổ chức hành chính thuộc Sở Xây dựng		Cảng vụ đường thủy nội địa	Thuộc Sở Xây dựng	Tổ chức hành chính			

	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Thuộc Sở Xây dựng	Giữ nguyên		Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Thuộc Sở Xây dựng	1			
	Trung tâm Quản lý đường bộ - đường sông	Thuộc Sở Xây dựng	Giữ nguyên		Trung tâm Quản lý đường bộ - đường sông	Thuộc Sở Xây dựng	1			
	Trung tâm Quản lý cửa khẩu Tây Ninh	Thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Giữ nguyên		Trung tâm Quản lý cửa khẩu Tây Ninh	Thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	1			
7	ĐVSNCCL cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND cấp xã			7	ĐVSNCCL cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND cấp xã					96
	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	Thuộc UBND cấp xã	Giữ nguyên		Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	Thuộc UBND cấp xã				96
IV	Các doanh nghiệp			IV	Các doanh nghiệp		5			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Long An	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên	1	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Long An	Thuộc UBND tỉnh	1			
2	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	Giữ nguyên	2	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tây Ninh	Thuộc UBND tỉnh	1			
3	Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh	Thuộc Tỉnh ủy	Giữ nguyên	3	Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh	Thuộc Tỉnh ủy	1			
4	Công ty TNHH MTV Thanh niên Xung phong	Thuộc Tỉnh đoàn	Cơ cấu lại và chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp	4	Công ty TNHH MTV Thanh niên Xung phong	Thuộc Tỉnh ủy	1			
5	Công ty TNHH Phát Triển Xanh Long An	Thuộc Tỉnh ủy	Giữ nguyên	5	Công ty TNHH Phát Triển Xanh Long An	Thuộc Tỉnh ủy	1			

Biểu 9B

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CẤP TỈNH ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI VỀ HỖ TRỢ CẤP XÃ
TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

STT	Cán bộ công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh được điều động, luân chuyển, tăng cường, biệt phái về cấp xã hỗ trợ theo các lĩnh vực	Tổng số	Trong đó chia ra theo các khối, lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức								Ghi chú
			Trong đó là cán bộ lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức		Khối đảng		Khối chính quyền		Khối MTTQ, các đoàn thể		
			Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Công chức, viên chức	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	
	TỔNG	449	55	168	5	12	29	173	5	2	
1	Công tác tổ chức, xây dựng đảng	16	3	5	4	4	-	-	-	-	
2	Công tác kiểm tra đảng	4	2	-	-	2	-	-	-	-	
3	Công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể	4	1	1	-	-	-	-	-	2	
4	Tài chính - Kế toán	14	2	6			1	5			
5	Nông nghiệp và môi trường	304	30	122			22	130			
6	Khoa học và công nghệ	4		1			3				
7	Xây dựng	18	3	6			2	2	5		
8	Văn phòng	44	7	14	1	3		19			
9	Công Thương	21	4	6		3		8			
10	Văn hóa	2	-	1	-	-	-	1	-	-	
11	Ban Quản lý dự án xã, phường	2	1	-	-	-	-	1	-	-	
12	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	14	2	5	-	-	1	6	-	-	
13	Trung tâm chính trị	2	-	1	-	-	-	1	-	-	

THỰC HIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN NHIỆM VỤ CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC GIAO TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026



STT	Cấp hành chính	Số nhiệm vụ						Số nhiệm vụ được bổ sung do phân cấp, phân quyền từ 01/7/2025-31/5/2026					Tổng số nhiệm vụ (công việc) đã và đang thực hiện từ 01/7/2025 đến 31/5/2026					
		Tổng số nhiệm vụ tại thời điểm 30/6/2025	Số nhiệm vụ tại thời điểm 31/5/2026					Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ từ Trung ương, bộ, ngành chuyển về cấp tỉnh, cấp xã		Nhiệm vụ từ cấp tỉnh chuyển về cấp xã		Nhiệm vụ bổ sung mới, phân định thẩm quyền	Tổng số nhiệm vụ	Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn	Số nhiệm vụ chậm, tồn đọng	Tỷ lệ sử dụng hệ thống số trong giao việc	
			Tổng số nhiệm vụ	Số nhiệm vụ đã được quy định, hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục	Số nhiệm vụ chưa được quy định, hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục	Số nhiệm vụ do 1 cơ quan ở địa phương thực hiện	Số nhiệm vụ do 1 cơ quan chủ trì và phải phối hợp với cơ quan khác thực hiện		Số lượng	Số cán bộ, công chức, viên chức chuyển theo nhiệm vụ	Số lượng	Số cán bộ, công chức, viên chức chuyển theo nhiệm vụ						
I	Cấp tỉnh																	
1	Khối Đảng																	
2	Khối MTTQ, các đoàn thể																	
3	Hội đồng nhân dân																	
4	Ủy ban nhân dân	442	555				390	165	568	568					1123	1123		100%
II	Cấp xã																	
1	Khối Đảng																	
2	Khối MTTQ, các đoàn thể																	
3	Hội đồng nhân dân																	
4	Ủy ban nhân dân	10	199				199		126	83		43			325	325		100%

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026

STT	Cấp hành chính	Số thủ tục hành chính						Số thủ tục hành chính được giao bổ sung, tăng thêm mới từ 01/7/2025 - 31/5/2026												Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã và đang thực hiện từ 01/7/2025 đến 31/5/2026		
		Tổng số thủ tục hành chính tại thời điểm 30/6/2025	Số thủ tục hành chính tại thời điểm 31/5/2026					Tổng số thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính từ Trung ương, bộ, ngành chuyển về cấp tỉnh, cấp xã	Tủ tục hành chính từ cấp tỉnh chuyển về cấp xã	Thủ tục bổ sung mới theo chức năng nhiệm vụ mới phát sinh	Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính	Số hồ sơ giải quyết trước hạn	Số hồ sơ giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ giải quyết chậm hạn	Số hồ sơ đang giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn	Tỷ lệ mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính				
			Tổng số thủ tục hành chính	Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần	Số thủ tục hành chính chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số thủ tục hành chính đã đơn giản hoá, dễ thực hiện											Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng		
I	Cấp tỉnh																					
1	Khối Đảng																					
2	Khối MTTQ, các đoàn thể																					
3	Hội đồng nhân dân																					
4	Ủy ban nhân dân	1360	1554	656	873	25		không có số liệu do Bộ ngành công bố chung, không phân biệt như 28 NĐ phân cấp phân quyền	không có số liệu do Bộ ngành công bố chung, không phân biệt như 28 NĐ phân cấp phân quyền	0	3	82624	58859	23614	151	3.296	9	Số liệu trên CDVC QG không xem được	Theo số liệu trên CDVCQ G tỷ lệ hài lòng toàn tỉnh đạt 99,21%	Số liệu trên CDVCQ G không xem được		
II	Cấp xã																					
1	Khối Đảng																					
2	Khối MTTQ, các đoàn thể																					
3	Hội đồng nhân dân																					
4	Ủy ban nhân dân	99	443 (bao gồm 13 thủ tục nhiều cấp và tiếp nhận tại đơn vị)	145	260	38		không có số liệu do Bộ ngành công bố chung, không phân biệt như 28 NĐ phân cấp phân	0	6 (tính phân cấp, ủy quyền cho xã thực hiện giải quyết TTHC)	2 (dùng chung tiếp nhận tại cả tỉnh và xã)	1266928	550066	716229	627	36.708	52	Số liệu trên CDVC QG không xem được	Theo số liệu trên CDVCQ G tỷ lệ hài lòng toàn tỉnh đạt 99,21%	Số liệu trên CDVCQ G không xem được		

Biểu 12B

TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 VÀ NĂM 2026



STT	Nội dung	Năm 2025		Kế hoạch, dự toán giao năm 2026		Số thực hiện đến 31/5/2026		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	
I	Tổng thu ngân sách nhà nước	57,109,734,772,704		54,956,000,000,000		27,326,135,763,830		
1	Cấp tỉnh	55,946,350,876,424	98.0%	44,957,420,000,000	81.8%	22,296,692,196,895	81.6%	
2	Cấp xã	1,163,383,896,280	2.0%	9,998,580,000,000	18.2%	5,029,443,566,935	18.4%	
II	GRDP							
1	Cấp tỉnh							
2	Cấp xã							
III	Tổng chi ngân sách nhà nước	40,045,862,839,834		44,493,125,000,000		20,089,648,507,724		
1	Tổng chi cấp tỉnh	24,580,447,038,802	61.4%	21,372,427,000,000	48.0%	14,005,235,825,209	69.7%	
1.1	Tổng chi đầu tư phát triển	14,175,961,114,934	57.7%	13,918,455,000,000	65.1%	12,270,078,329,376	87.6%	
1.2	Tổng chi thường xuyên	10,385,742,557,143	42.3%	6,323,110,000,000	29.6%	1,728,289,360,179	12.3%	
-	Chi cho tổ chức bộ máy	3,115,870,305,426	30.0%	907,449,000,000	14.4%	269,965,353,010	15.6%	
-	Chi sự nghiệp y tế	1,427,041,397,166	13.7%	1,601,518,000,000	25.3%	404,198,229,053	23.4%	
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	1,872,460,546,369	18.0%	1,634,826,000,000	25.9%	536,363,472,695	31.0%	
-	Chi thường xuyên khác	3,970,370,308,182	38.2%	2,179,317,000,000	34.5%	517,762,305,421	30.0%	
1.3	Các khoản chi khác	18,743,366,725	0.1%	1,130,862,000,000	5.3%	6,868,135,654	0.05%	
2	Tổng chi cấp xã	15,465,415,801,032	38.6%	23,120,698,000,000	52.0%	6,084,412,682,515	30.3%	
2.2	Tổng chi đầu tư phát triển	601,266,204,048	3.9%	5,427,745,000,000	23.5%	686,796,840,578	11.3%	
2.2	Tổng chi thường xuyên	14,862,442,515,502	96.1%	16,841,708,000,000	72.8%	5,396,452,675,937	88.7%	
-	Chi cho tổ chức bộ máy	4,250,297,465,651	28.6%	2,790,815,000,000	16.6%	1,105,967,869,525	20.5%	
-	Chi sự nghiệp y tế	217,294,276,080	1.5%	583,193,000,000	3.5%	162,952,194,386	3.0%	
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	6,865,594,408,647	46.2%	8,027,891,000,000	47.7%	2,453,630,303,863	45.5%	
-	Chi thường xuyên khác	3,529,256,365,124	23.7%	5,439,809,000,000	32.3%	1,673,902,308,163	31.0%	
2.3	Các khoản chi khác	1,707,081,482	0.01%	851,245,000,000	3.7%	1,163,166,000	0.02%	

Biểu 13B

CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, ĐƠN THƯ, TỔ CÁO CỦA ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026

STT	Nội dung	Số cuộc tiếp công dân từ 01/7/2025 đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo tồn đọng đến ngày 30/6/2025 chưa giải quyết và đang giải quyết	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo phát sinh từ 01/7/2025 đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đã giải quyết dứt điểm từ 01/7/2025 đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đang giải quyết tính đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo chưa giải quyết tính đến 31/5/2026	Ghi chú
I	Cấp tỉnh	811	79	173	222	30	0	
1	Bí Thư tỉnh uỷ, thành uỷ							
2	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	694	79	164	216	27	0	
3	Cấp sở, ban, ngành	117	0	9	6	3	0	
II	Cấp xã	4,805	52	144	177	19	0	
1	Bí thư xã, phường, đặc khu							
2	Chủ tịch UBND cấp xã	4,805	52	144	177	19	0	
3	Các phòng ban chuyên môn							
*	Tổng cộng: I+II	5,616	131	317	399	49	0	